

NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG

ENGLISH LANGUAGE
TEACHER TRAINING MATERIAL

TÀI LIỆU TẬP HUẤN DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MỚI

TIẾNG ANH 10
GLOBAL SUCCESS

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. Khái quát về Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh

1. Giới thiệu chung
2. Điểm khác biệt giữa Chương trình Tiếng Anh 2018 và Chương trình Tiếng Anh thí điểm

II. Giới thiệu chung về SGK Tiếng Anh 10 – Global Success

1. Quan điểm tiếp cận/ Nguyên tắc, Phương pháp biên soạn
2. Nội dung Sách học sinh
3. Cấu trúc sách Tiếng Anh 10 – Sách học sinh và cấu trúc bài học

III. Phương pháp dạy học/ Tổ chức hoạt động

1. Định hướng, yêu cầu cơ bản chung về đổi mới phương pháp dạy học tổ chức hoạt động
2. Hướng dẫn, gợi ý phương pháp, cách thức tổ chức dạy học
3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài/ hoạt động điển hình

IV. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực
2. Gợi ý, ví dụ minh họa (trong sách) về đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá

V. Tài nguyên và hợp phần bổ trợ

1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách giáo viên
2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách bài tập
3. Giới thiệu sách tham khảo và hợp phần bổ trợ

PHẦN 2: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Quy trình thiết kế bài dạy (giáo án)

1. Các bước thiết kế một giáo án
2. Cấu trúc của giáo án
3. Bài soạn minh họa

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh là môn học bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12. Là một trong những môn học chính ở trường phổ thông, môn Tiếng Anh không chỉ giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung, để sống và làm việc hiệu quả hơn, để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Thời lượng của Chương trình được thiết kế và phân bổ cho 105 tiết học trong 2 học kì của lớp 10.

1. Giới thiệu chung

1.1. Nội dung

Chương trình Tiếng Anh lớp 10 tuân thủ các quy định được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các định hướng chung về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả học tập và điều kiện thực hiện chương trình.

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
- Cuộc sống của chúng ta - Xã hội của chúng ta - Môi trường của chúng ta - Tương lai của chúng ta	- Cuộc sống gia đình - Giải trí - Phục vụ cộng đồng - Các phát minh làm thay đổi thế giới - Bình đẳng giới	Nghe - Nghe hiểu nội dung các cuộc hội thoại hằng ngày được nói rõ ràng. - Nghe hiểu ý chính các đoạn hội thoại, đọc thoại khoảng 180 - 200 từ về những chủ đề quen thuộc.	Ngữ âm Phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu Từ vựng Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 10

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	- Bảo tồn môi trường tự nhiên - Du lịch sinh thái - Con người và môi trường - Các phương thức học tập mới - Việt Nam và các tổ chức quốc tế ...	- Nghe hiểu những thông tin, chỉ dẫn thông thường. Nói - Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các tổ hợp phụ âm, ngữ điệu, nhịp điệu trong câu. - Bắt đầu, duy trì và kết thúc các cuộc hội thoại trực tiếp, đơn giản. - Đồng ý, phản đối một cách lịch sự; đưa ra lời khuyên. - Trình bày các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ đề trong Chương trình. Đọc - Đọc hiểu những ý chính của văn bản khoảng 220 - 250 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc. - Đọc hiểu những thông tin quan trọng trong các tờ thông tin, quảng cáo thường nhật. - Đọc hiểu những thông điệp đơn giản và các thông tin truyền thông về các chủ đề phổ biến.	Ngữ pháp - Thì hiện tại hoàn thành - Thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn (củng cố và mở rộng) - Thì tương lai đơn và thì tương lai với 'be going to' (củng cố và mở rộng) - Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn với 'when' và 'while' - Động từ nguyên thể có 'to' và không có 'to' - Danh động từ và động từ nguyên thể (dùng để mô tả) - Câu bị động, câu bị động với động từ tình thái - Câu ghép - Mệnh đề quan hệ: xác định và không xác định - Câu điều kiện loại 1 (củng cố và mở rộng) - Câu điều kiện loại 2 - Câu tường thuật - Tính từ so sánh hơn và so sánh hơn nhất - Tính từ chỉ thái độ - Mạo từ

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
		Viết - Viết đoạn văn liền mạch, đơn giản khoảng 120 - 150 từ về các chủ điểm mà cá nhân quan tâm và bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân. - Viết các thông điệp cá nhân cho bạn bè hoặc người thân, đề nghị cung cấp thông tin và tường thuật các sự kiện liên quan.	

1.2. Yêu cầu cần đạt

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo).
- Sau khi học xong môn Tiếng Anh cấp trung học phổ thông, học sinh có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể là: *“Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, ... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra ở những nơi ngôn ngữ đó được sử dụng. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình”*. Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có những hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá, đồng thời bước đầu phản ánh được các giá trị văn hoá của Việt Nam bằng tiếng Anh; phát triển các phẩm chất yêu đất nước, con người, trung thực, nhân ái và có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng.
- Với chương trình lớp 10, sau khi học xong lớp 10, học sinh sẽ đạt được bậc năng lực Bậc 3.1 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.3. Thời lượng thực hiện

Thời lượng giảng dạy chương trình Tiếng Anh 10 tuân thủ các quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời lượng dạy học môn học, cụ thể như sau:

Số tiết: 105 tiết/ năm học (2 học kì), 3 tiết/ tuần.

1.4. Phương pháp dạy học

Phương pháp giáo dục chủ đạo trong chương trình tiếng Anh 10, cũng như quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh, vào khả năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học. Hai đường hướng chủ đạo này quy định lại vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy – học.

1.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Kiểm tra, đánh giá là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học nhằm cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà học sinh đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Điều này góp phần khuyến khích và định hướng học sinh trong quá trình học tập, giúp giáo viên và nhà trường đánh giá kết quả học tập của học sinh, qua đó điều chỉnh việc dạy học môn học một cách hiệu quả ở các cấp học.

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc cấp trung học phổ thông.

Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kì được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho mỗi cấp lớp. Việc đánh giá cuối cấp trung học phổ thông phải dựa vào yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể là Bậc 3.

Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

1.6. Các điều kiện tổ chức và thực hiện chương trình

Để việc thực hiện Chương trình Tiếng Anh lớp 10 đạt hiệu quả, cần bảo đảm các điều kiện cơ bản sau:

Giáo viên

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên để thực hiện đủ số tiết học theo kế hoạch dạy học ở trường phổ thông. Giáo viên phải đạt chuẩn năng lực tiếng Anh và năng lực sư phạm phù hợp với cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Giáo viên phải được tập huấn đầy đủ để triển khai Chương trình này. Giáo viên cần được tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong dạy học.
- Giáo viên cần được bồi dưỡng năng lực đánh giá sách giáo khoa, tài liệu dạy học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra quy định cho mỗi cấp học.
- Cần tạo điều kiện bồi dưỡng cho giáo viên về năng lực thiết kế các hoạt động đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì phù hợp, hỗ trợ học sinh phát triển năng lực giao tiếp theo các cấp độ của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Cơ sở vật chất

- Đảm bảo đầy đủ học liệu tối thiểu (sách học sinh, sách giáo viên, sách bài tập) cho giáo viên và học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Những trường có điều kiện cần nối mạng Internet, trang bị máy tính, màn hình và đầu chiếu, phần mềm dạy học tiếng Anh; khuyến khích sử dụng thiết bị công nghệ thông tin hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh.
- Số lượng học sinh cho một lớp học không vượt quá quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Môi trường học tập

Đảm bảo môi trường học tập đa dạng, phong phú để học sinh có thể tham gia vào các hoạt động giao tiếp tiếng Anh có ý nghĩa (tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh, giao lưu học sinh giỏi tiếng Anh, thi hát, thi hùng biện bằng tiếng Anh,...).

2. Điểm khác biệt giữa Chương trình Tiếng Anh 2018 và Chương trình Tiếng Anh thí điểm

Về cơ bản, hai chương trình này đều yêu cầu về kiến thức ngôn ngữ và kĩ năng ngôn ngữ ở mỗi cấp giống nhau vì cùng tham chiếu theo Khung năng lực ngoại ngữ chung châu Âu và khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điểm khác biệt có thể dễ nhận thấy nhất là chương trình Tiếng Anh theo chương trình GDPT 2018 đã kết hợp ba chương trình thí điểm làm một và viết theo chương trình mở: ở cuối các nội dung: theme, topics, kiến thức ngôn ngữ đều để ba chấm (...) để những tác giả biên soạn có thể cắt giảm hoặc bổ sung một số nội dung khác nếu thấy phù hợp.

Ngoài ra, chương trình mới còn có một vài điều chỉnh độ dài các bài đọc, nghe và viết trong mỗi lớp, mỗi cấp điều chỉnh nội dung ngữ pháp trong mỗi lớp để dựa vào đó những người viết sách có thể điều chỉnh nội dung của sách cho phù hợp.

II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SGK TIẾNG ANH 10 – GLOBAL SUCCESS

1. Quan điểm tiếp cận/ Nguyên tắc, Phương pháp biên soạn:

1.1. Nguyên tắc biên soạn:

Chương trình Tiếng Anh lớp 10 tuân thủ các quy định được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các định hướng chung về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả học tập và điều kiện thực hiện chương trình.

Tiếng Anh 10 – Global Success được thiết kế theo đơn vị bài học (unit); một đơn vị bài học được tổ chức theo mô hình đa thành phần, lấy chủ điểm (topic) làm xuất phát điểm, làm cơ sở để phát triển nội dung ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), nội dung văn hoá, chức năng ngôn ngữ, nội dung chủ đề trong các kĩ năng ngôn ngữ tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết).

Tiếng Anh 10 – Global Success đảm bảo tính đa dạng về nội dung, thể loại văn bản, và hình thức ngôn ngữ trong một đơn vị bài học và trong toàn bộ bộ sách.

Chương trình được xây dựng dựa vào tâm lí lứa tuổi của học sinh trung học phổ thông nói chung và học sinh lớp 10 nói riêng.

Trong *Tiếng Anh 10 – Global Success*, môn học tiếng Anh được xem xét trong mối liên hệ với các môn học khác ở bậc trung học phổ thông nói chung và ở lớp 10 nói riêng để học sinh có thể học các môn học khác qua việc học Tiếng Anh.

Chương trình Tiếng Anh 10 đảm bảo tính liên thông trong toàn bộ bộ sách *Tiếng Anh – Global Success* biên soạn theo *Chương trình giáo dục phổ thông*: Chương trình môn tiếng Anh của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Chương trình cũng đảm bảo tính Việt Nam và tính quốc tế của bộ sách, đáp ứng nhu cầu hội nhập.

1.2. Phương pháp biên soạn:

Tiếng Anh 10 – Global Success được biên soạn theo đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp với quan điểm lấy năng lực giao tiếp là mục tiêu của quá trình dạy học; kiến thức ngôn ngữ là phương tiện để hình thành và phát triển các kĩ năng giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc, viết. Sách bao gồm các hoạt động trong chương trình đa dạng, thích hợp với nhu cầu và tạo động lực giao tiếp, tương tác cho học sinh: làm việc theo cặp/ nhóm, thực hiện dự án (projects).

Chương trình Tiếng Anh lớp 10 đảm bảo lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học. Năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh của học sinh được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn quá trình dạy học, khuyến khích học sinh tham gia hoạt động luyện tập ngôn ngữ ở mức tối đa và từng bước nâng cao khả năng tự học.

Tiếng Anh 10 – Global Success được phát triển theo đường hướng phát triển năng lực, nhằm đảm bảo người học sau khi hoàn thành chương trình sẽ đạt được trình độ 3.1 trong Khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

Chương trình cũng được biên soạn theo đường hướng tích hợp các kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và phát triển xoay quanh các chủ điểm, chủ đề quen thuộc.

2. Nội dung Sách học sinh:

2.1. Kiến thức Ngôn ngữ

Kiến thức	Yêu cầu cụ thể
Ngữ âm	<i>Tiếng Anh 10 – Global Success</i> bao gồm các nội dung kiến thức ngữ âm sau: - 7 tổ hợp phụ âm: /tr/, /kr/, /br/, /kl/, /pl/, /gr/, /pr/ - trọng âm các từ 2 âm tiết, 3 âm tiết, trên 3 âm tiết; - trọng âm câu, nhịp điệu, và ngữ điệu.
Từ vựng	<i>Tiếng Anh 10 – Global Success</i> phát triển vốn từ vựng cho học sinh bao gồm những từ thông dụng (chỉ khái niệm, hiện tượng, sự vật) được thể hiện dưới hai hình thức ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, liên quan đến các chủ điểm và chủ đề quy định trong Chương trình. Số lượng từ được dạy trong Tiếng Anh 10 là khoảng 200-250 đơn vị.
Ngữ pháp	<i>Tiếng Anh 10 – Global Success</i> tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung về ngữ pháp đã học ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, bao gồm các cấu trúc ngữ pháp dùng để phát triển năng lực giao tiếp ở mức 3-1: thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì tương lai đơn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, động từ nguyên thể, danh động từ, câu bị động, câu ghép, mệnh đề quan hệ, câu điều kiện, tính từ so sánh hơn và so sánh cao nhất, mạo từ, ... Đồng thời giới thiệu về thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn với <i>when</i> và <i>while</i>, danh động từ và động từ nguyên thể (dùng để mô tả), câu bị động với động từ tình thái, câu điều kiện loại 2, câu tường thuật, tính từ chỉ thái độ.

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

Tiếng Anh 10 – Global Success phát triển 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, theo quy định trong chương trình. Cụ thể là:

Nghe

- Nghe hiểu nội dung các cuộc hội thoại hằng ngày được nói rõ ràng.
- Nghe hiểu ý chính các đoạn hội thoại, độc thoại có độ dài khoảng **180-200** từ về các chủ đề quen thuộc.
- Nghe hiểu những thông tin chỉ dẫn thông thường.

Nói

- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các tổ hợp phụ âm, nhịp điệu, ngữ điệu trong câu.
- Bắt đầu duy trì và kết thúc các cuộc hội thoại trực tiếp, đơn giản.
- Diễn đạt sự đồng ý và phản đối một cách lịch sự; đưa ra lời khuyên.
- Trình bày khẩu ngữ có chuẩn bị trước các bài tập **dự án** về các chủ đề quy định trong Chương trình.

Đọc

- Đọc hiểu những ý chính của văn bản có độ dài khoảng **220-250** từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc được quy định trong *Chương trình*.
- Đọc hiểu những thông tin quan trọng trong các tờ thông tin, quảng cáo thường nhật.
- Đọc hiểu những thông điệp đơn giản và các thông tin truyền thông về các chủ đề phổ biến.

Viết

- Viết đoạn văn liền mạch, đơn giản, có độ dài khoảng **120-150** từ về các chủ đề mà các cá nhân quan tâm và bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân.
- Viết các thông điệp cá nhân cho bạn bè hoặc người thân, đề nghị cung cấp thông tin và tường thuật các sự kiện liên quan.

3. Cấu trúc sách Tiếng Anh 10 – Sách học sinh và cấu trúc bài học

2.1. Phân tích Scope and sequence

Tiếng Anh 10 – Global Success được thiết kế theo 4 chủ điểm với 10 đơn vị bài học (Unit), mỗi đơn vị bài học tương ứng với một chủ đề (Topic). 10 chủ đề này bám sát Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Anh được quy định cho lớp 10, cụ thể như sau:

Chủ điểm	Chủ đề
1. Cuộc sống của chúng ta Our life	Unit 1: Family life (Cuộc sống gia đình) Unit 2: Humans and the environment (Con người và môi trường) Unit 3: Music (Âm nhạc)
2. Xã hội của chúng ta Our society	Unit 4: For a better community (Vì một cộng đồng tốt đẹp hơn) Unit 5: Inventions (Các phát minh)

Chủ điểm	Chủ đề
3. Tương lai của chúng ta Our future	Unit 6: Gender equality (Bình đẳng giới) Unit 7: Vietnam and international organisations (Việt Nam và các tổ chức thế giới) Unit 8: New ways to learn (Cách học mới)
4. Môi trường của chúng ta Our environment	Unit 9: Protecting the environment (Bảo vệ môi trường) Unit 10: Ecotourism (Du lịch sinh thái)

Sau mỗi chủ điểm là một bài ôn tập (Review), tập trung vào rèn luyện kiến thức ngôn ngữ và phát triển kĩ năng ngôn ngữ học sinh đã được học.

BOOK MAP

UNIT	PRONUNCIATION	VOCABULARY	GRAMMAR	READING	SPEAKING	LISTENING	WRITING	EVERYDAY ENGLISH	CULTURE / CLIL	PROJECT
Unit 1: FAMILY LIFE	Consonant blends: /br/, /kr/, and /tr/	Words and phrases related to family life	Present simple vs. present continuous	Reading for specific information in a text about the benefits of doing housework for children	Explaining why children should or shouldn't do housework	Listening for specific information in a talk show about family life	Writing about family routines	Expressing opinions	Family values in the UK	Doing research on Family Day in Viet Nam or other countries
Unit 2: HUMANS AND THE ENVIRONMENT	Consonant blends: /kl/, /pl/, /gr/, and /pr/	Words and phrases related to human activities and the environment	- The future with <i>will</i> and <i>be going to</i> - Passive voice	Reading for main ideas and specific information in a text about green living	Talking about ways to live green	Listening for specific information in an announcement about a green event	Writing about ways to improve the environment	Asking for and giving advice	Carbon footprint	Planning activities for a Go Green Weekend event
Unit 3: MUSIC	Stress in two-syllable words	Words and phrases related to music	- Compound sentences - <i>To</i> -infinitives and bare infinitives	Reading for specific information in a text about a famous TV music show	Talking about a TV music show	Listening for gist and specific information in an interview about a music festival	Writing a blog about experiences at a music event	Making and responding to suggestions	Chau van singing	Doing research on traditional music in Viet Nam or another country
REVIEW 1										
Unit 4: FOR A BETTER COMMUNITY	Stress in two-syllable words with the same spelling	- Words and phrases related to community development - Adjective suffixes: -ed vs. -ing; -ful vs. -less	Past simple vs. past continuous with <i>when</i> and <i>while</i>	Reading for main ideas and specific information in a text about a volunteer club	Talking about the benefits of volunteering activities	Listening for specific information in an announcement for volunteers	Writing an application letter for volunteer work	Expressing feelings	Save the Children organisation	Finding information about a volunteer project in your community
Unit 5: INVENTIONS	Stress in three-syllable nouns	Words and phrases related to inventions	- Present perfect - Gerunds and <i>to</i> -infinitives	Reading for main ideas and specific information in a text about an invention	Talking about inventions and their uses	Listening to instructions on how to use an invention for specific information	Writing about the benefits of an invention	Making and responding to requests	Computer hardware	Collecting information about an existing invention or creating a new one for the classroom
REVIEW 2										

2.2. Phân tích kết cấu bài học (Unit, Review)

- Mỗi đơn vị bài học (Unit) được thiết kế thành 8 bài học (Lesson) được dạy trong 8 tiết như sau:

1	Getting started	Dạy trong 1 tiết, giới thiệu chủ đề, từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp của cả bài.
2	Language	Dạy trong 1 tiết, tập trung vào ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp.

3	Reading	Dạy trong 1 tiết, tập trung vào kỹ năng Đọc và Nói.
4	Speaking	Dạy trong 1 tiết, tập trung vào kỹ năng Nói.
5	Listening	Dạy trong 1 tiết, tập trung vào kỹ năng Nghe và Viết.
6	Writing	Dạy trong 1 tiết, tập trung vào kỹ năng Viết.
7	Communication & Culture / CLIL	Dạy trong 1 tiết, giới thiệu và luyện tập các chức năng ngôn ngữ cũng như phát triển các kỹ năng ngôn ngữ thông qua giới thiệu văn hóa, truyền thống ... của Việt Nam và các nước trên thế giới cũng như kiến thức các môn học khác (Lịch sử, Khoa học, Địa lí ...)
8	Looking back & Project	Dạy trong 1 tiết, ôn tập toàn bài. Điểm nổi bật của phần Project (dự án) là: Học sinh làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để thực hiện một dự án liên quan đến chủ đề của bài.

Ngoài các đơn vị bài học chính, bài Ôn tập (Review) được thiết kế sau khi kết thúc 1 chủ điểm, giúp học sinh ôn tập các âm, từ, cụm từ, cấu trúc đã học trong 2 - 3 đơn vị bài học trước đó. Mỗi bài ôn tập (Review) gồm hai phần:

- **Language:** được dạy trong 1 tiết, gồm các hoạt động để ôn luyện từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp.
- **Skills:** được dạy trong 1 tiết, gồm các hoạt động thực hành 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về chủ đề của 2 - 3 đơn vị bài đã học trước đó.

2.3. Cấu trúc mỗi chủ đề bài học theo mạch kiến thức

LESSON 1 (TIẾT 1): **GETTING STARTED**

Introduction

- Mục đích của phần này là giúp học sinh làm quen với chủ đề của toàn bộ *Đơn vị bài học*, cung cấp và giới thiệu một bối cảnh (context) trong đó các hiện tượng ngữ âm, từ vựng và hiện tượng ngữ pháp được giảng dạy trong toàn bộ đơn vị bài học xuất hiện.
- *Getting Started* bao gồm hai mục: một đoạn hội thoại cho học sinh nghe và đọc theo (Listen and read), và 3 hoạt động kèm theo để giúp học sinh hiểu đoạn hội thoại đó, làm các bài tập để bước đầu hiểu và sử dụng các từ, hiện tượng ngữ pháp sẽ được giải quyết trong các phần tiếp theo.

This unit includes:

LANGUAGE

Pronunciation

/br/, /kr/, and /tr/

Vocabulary

Words and phrases related to family life

Grammar

Present simple vs. present continuous

SKILLS

Reading: Reading for specific information in a text about the benefits of doing housework for children

Speaking: Explaining why children should or shouldn't do housework

Listening: Listening for specific information in a talk show about family life

Writing: Writing about family routines

COMMUNICATION AND CULTURE / CULT

Everyday English

Expressing opinions

Culture

Family values in the UK

PROJECT

Doing research on Family Day in Viet Nam or other countries

I GETTING STARTED

Household chores

1 Listen and read.

Nam: Hello, Minh.

Minh: Hi, Nam. How are you? I'm going to play football at our school stadium with a few friends this evening. Are you free to join us?

Nam: I'd love to, but I'm afraid I can't. I'm preparing dinner.

Minh: Really? Doesn't your mum cook?

Nam: Oh, yes. My mum usually does the cooking, but she's working late today.

Minh: How about your sister, Lan?

Does she help with the housework?

Nam: Yes, she often helps with the cooking. But she can't help today. She's studying for her exams.

Minh: I see. I never do the cooking. It's my mother's job.

Nam: Really? So how do you divide the household chores in your family?

Minh: Mum is the homemaker, so she does the chores. My dad is the breadwinner; he earns money. And we, the kids, study.

Nam: Well, in my family, we divide the housework equally - Mum usually cooks and shops for groceries. Dad cleans the house and does the heavy lifting.

Minh: What about you and your sister?

Nam: My sister does the laundry. I do the washing-up and put out the rubbish. We also help with the cooking when our mum is busy.

Minh: That sounds fair! Anyway, I have to go now. See you later.

Nam: Bye. Have fun.



2 Read the conversation again and decide whether the following statements are true (T) or false (F).

	T	F
1. Nam's mother is cooking now.		
2. Everybody in Nam's family does some of the housework.		
3. The children in Minh's family don't have to do any housework.		

3 Write the verbs or phrasal verbs that are used with the nouns or noun phrases in the conversation.

	Verbs / Phrasal verbs	Nouns / Noun phrases
1.	put out	the rubbish
2.		the laundry
3.		groceries
4.		the heavy lifting
5.		the washing-up

4 Complete the sentences from the conversation with the correct forms of the verbs in brackets.

1. I'd love to, but I'm afraid I can't.
I (prepare) _____ dinner.
2. My mum usually (do) _____ the cooking, but she (work) _____ late today.

II LANGUAGE

Pronunciation

/br/, /kr/, and /tr/

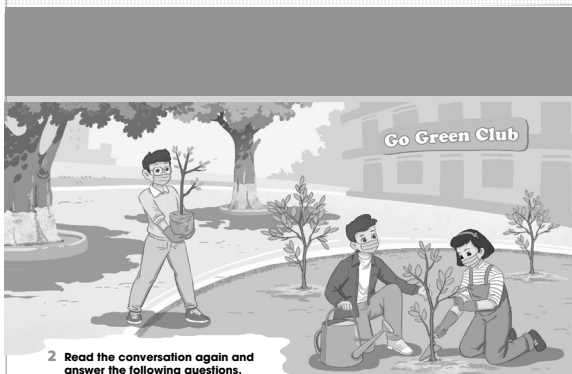
1 Listen and repeat. Pay attention to the consonant blends /br/, /kr/, and /tr/.

/br/	/kr/	/tr/
breadwinner	crash	track
breakfast	crane	tree
brown	cream	train

2 Listen to the sentences and circle the words you hear.

1. a. brush b. crash c. trash
2. a. brain b. crane c. train
3. a. bread b. create c. treat

LESSON 2 (TIẾT 2): LANGUAGE



2 Read the conversation again and answer the following questions.

1. Who set up the Go Green Club?
2. What does the club want to achieve?
3. What does Nam think the club will do in the future?

3 Match the verbs or phrasal verbs in A with suitable nouns or noun phrases in B.

A	B
1. raise	a. a club
2. reduce	b. a greener lifestyle
3. clean up	c. awareness
4. adopt	d. your carbon footprint
5. set up	e. the school

4 Complete the following sentences based on the conversation in 1.

1. The club _____ by the Youth Union in Nam's school.
2. The club members _____ clean up the school right after the ceremony.
3. Nam thinks they _____ organise more activities to raise local people's awareness of environmental issues.

II LANGUAGE

Pronunciation

/kl/, /pl/, /gr/, and /pr/

1 Listen and repeat. Pay attention to the consonant blends /kl/, /pl/, /gr/, and /pr/.

/kl/	/pl/	/gr/	/pr/
club	please	green	practise
clean	place	group	present
class	play	ground	protect

2 Listen and practise saying the following sentences.

1. The club members will clean up all the classrooms.
2. We are pleased that we created an interesting plot for the school play.
3. Our group will make the playground green again.
4. The students are practising their presentation on environmental protection.

Vocabulary

The environment

1 Match the words and phrases to their meanings.

1. household appliances
2. energy
3. carbon footprint
4. litter
5. eco-friendly
6. the amount of carbon dioxide (CO₂) produced by the activities of a person or an organisation
7. rubbish lying in an open or public place
8. causing no harm to the environment
9. devices, such as fridges or TVs, used in people's homes
10. power used for driving machines, providing heat and light, etc.

2 Complete the sentences using the words and phrases in 1.

1. _____ car models always attract great attention at exhibitions.
2. Remember to turn off your _____ when they are not used.
3. Small changes in your daily habits can help reduce the _____ you produce.
4. One of the most important sources of _____ is the sun.
5. Students are reminded to pick up _____ that they see on the ground.

Grammar

The future with will and be going to

Remember!

We use will and be going to to talk about future actions.

We use will to talk about:

- plans which are made at the moment of speaking.
Example: This shirt looks beautiful. I will buy it.
- predictions based on what we think or believe about the future.
Example: I think our team will win the competition.

We use be going to to talk about:

- plans which are made before the moment of speaking.
Example: I have made a reservation. We are going to have dinner at the Chinese restaurant nearby.
- predictions based on what we see or know.
Example: Look at the dark clouds. It is going to rain soon.

Complete the following sentences with will or the correct forms of be going to.

1. I don't think she _____ come tonight. She has to revise for her exam tomorrow.
2. We have already made the decision. We _____ buy a new house next month.
3. I'm sure she _____ pass the final exam.
4. Look at the sun. It _____ be a beautiful day.
5. I forgot to phone Dad. I _____ do it right after lunch.

Vocabulary

- Gồm 2 hoạt động
- Phần này được thiết kế để dạy từ vựng gắn với mỗi Đơn vị bài học. Các từ vựng chủ động của bài được giới thiệu và luyện tập thông qua các hoạt động gây hứng thú cho học sinh và dễ học, dễ nhớ.

Pronunciation

- Gồm 2 hoạt động
- Phần ngữ âm sẽ giới thiệu các tổ hợp phụ âm và luyện tập riêng lẻ, sau đó là luyện tập từ trong câu (trong tình huống). Ở những bài cuối trong chương trình cũng sẽ giới thiệu trọng âm từ có 2, 3 và nhiều hơn 3 âm tiết, trọng âm câu, ngữ điệu và nhịp điệu trong câu.

Grammar

- Gồm 2 hoạt động
- Phần này giải quyết các điểm ngữ pháp (grammar point) của Đơn vị bài học (có thể một hoặc hai điểm ngữ pháp sẽ được dạy ở mỗi Đơn vị bài học). Các điểm ngữ pháp này đã được giới thiệu trong phần Getting Started nên học sinh đã được làm quen. Thường bài học này sẽ có các bảng để nêu hoặc nhắc lại các quy tắc và những nội dung học sinh cần ghi nhớ. Học sinh sẽ được luyện tập qua các hoạt động từ dễ đến khó.

LESSON 3 (TIẾT 3): READING

III READING

American Idol

1 Work in pairs. Look at the pictures and discuss the following questions.
What are these shows? What do you know about them?



2 Read a text about a famous music show. Match the highlighted words and phrases in the text to the meanings below.

American Idol was shown for the first time on television in January 2002. At that time, there were many movies and TV series, but no reality competitions on TV. The participants in this programme are ordinary people who the audience can really identify with.

First, judges travel all round America in search of the best singers and bring them to Hollywood. Twenty-four to thirty-six participants are then chosen to go on to the next stages where they perform live on TV, and receive the judges' opinions. From the semi-final onwards, people over 13 and living in the US, Puerto Rico or the Virgin Islands can vote for their preferred singers online or through text messaging. The singer with the lowest number of votes is eliminated. On the final night, the most popular singer becomes the winner of that *American Idol* season.

People watch *American Idol* not only to see the participants sing, but also to hear the comments of the judges, who play an important role in the competition. Their different opinions and interesting arguments make the show very exciting.

The first season of *Vietnam Idol* was shown in 2007. It included three stages: short performances to choose participants, semi-finals and finals. The winners of the show's different seasons have become famous singers in Viet Nam.

1. feel that they are similar to and can understand them
2. a set of TV or radio programmes on the same subject
3. removed from the competition
4. looking for

Unit 3

3 Read the text again and choose the best answers.

1. What is *American Idol*?
A. A game show on TV
B. A TV singing competition
C. A live dancing competition
2. Which of the following statements is correct?
A. From the semi-final, singers who can go to the next stage are decided by the audience vote.
B. The judges choose as many singers as they can.
C. People around the world can vote for the songs they like.
3. Who wins *American Idol*?
A. The singer with the highest number of votes on the final night.
B. The singer with the highest number of votes and highest score from the judges.
C. The singer with the highest score from the judges.
4. Which of the following statements about the judges is NOT mentioned?
A. They give comments after each live performance.
B. They have different views about the singers' performances.
C. They are not in favour of choosing ordinary people.
5. What can be inferred about the competition in Viet Nam?
A. The audience decides who makes it to the final stage.
B. All the singers will be famous.
C. It can help develop participants' singing careers.

4 Work in pairs. Discuss whether you want to participate in *Vietnam Idol*. Give your reasons.

IV SPEAKING

Talking about a TV music show

1 Read about a TV music show and complete the notes below.

I know your face
Each week, six participants will dress up and perform as famous international or local artists in a live show. Two main judges and a guest artist will give their scores. After five weeks, only the three participants with the highest scores will remain on the show. On the final night, TV audiences can vote for their preferred performance and decide on the winner and two runners-up. The winner of the show will receive a cash prize.

1. Name: *I know your face*
2. People who give their scores: _____
3. Number of participants: _____
4. What participants have to do: _____
5. How participants win the show: _____
6. Prize(s): _____

2 Work in groups. Make up a new music show. Use the points in 1 to organise your ideas.

3 Present your show to the whole class. Use your ideas in 2 and the expressions below. Vote for the best show.

Useful expressions:

- We came up with an idea about a TV music show which is ...
- Let us give you an example.
- In our show, there will be ...
- The participants have to ...
- The winner will receive ...

- Gồm 4-5 hoạt động
- **Đọc – Reading:** Mục đích của phần này nhằm phát triển khả năng đọc của học sinh. Bài đọc (220 từ) có các từ vựng và hiện tượng ngữ pháp học sinh đã học trước đó, và theo chủ đề của đơn vị bài, nội dung gần gũi, gây hứng thú cho học sinh. Sau bài đọc có các hoạt động để học sinh ghi nhớ từ vựng và phát triển kĩ năng đọc hiểu của mình.

LESSON 4 (TIẾT 4): **SPEAKING**

IV SPEAKING

Inventions and how they are used

1 **Work in pairs. Talk about the uses of these inventions. Use the expressions below to help you.**

Inventions	Main uses
the internet	communicate over long distances
e-readers	store and read texts from the internet
robots	do difficult or dangerous tasks effectively
3D printing	make three dimensional objects
driverless cars	travel around without a person in control

Useful expressions:

- ... help(s) / allow(s) us to do sth.
Example: The internet helps us to communicate over long distances.
- ... be / are used for sth / doing sth.
Example: The internet is used for communication / communicating over long distances.

2 **Work in groups. Talk more about one of the inventions in 1. Use the outline below to help you prepare a group presentation.**

Talking about an invention

Introduction:

- What is it?
- Development:

 - What are its uses? What are some examples?
 - Have you ever used it? When / Where / How (often) do you use it?

- Conclusion:**

 - How important is it in our daily life?
 - Do you like using it?

3 **Present your ideas to the whole class. Then vote for the most interesting group presentation.**

Everyday English

- Gồm 4-5 hoạt động
- **Nói – Speaking:** Kĩ năng nói gồm các hoạt động giúp học sinh luyện tập và phát triển khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ đã học trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Các hoạt động sử dụng nói cá nhân (individual work), nói theo cặp (pair work) và theo nhóm (group work).

LESSON 5 (TIẾT 5): **LISTENING**

Unit 5

V LISTENING

RoboVacuum

1 **Complete the sentences with the words in the box.**

button charge stain

- Press the _____ to start the device.
- There is a dirty _____ on your smartphone. Wipe it away.
- You need to _____ your mobile phone. The battery is very low.

2 **Listen to a conversation about RoboVacuum. Fill in each gap in the diagram below with ONE word.**

To clean the whole (1) _____

To remove dirty (2) _____

To start or (3) _____ the device

Tips

When labelling a diagram, you should:

- study the diagram carefully.
- predict the answer in each blank (e.g. What kind of information is it? Is it a noun, a verb, or an adjective?).
- listen for key words.
- double-check your answer (e.g. spelling, grammar, the number of words).

3 **Listen again. Put a tick (✓) next to the correct way and a cross (X) next to the wrong way to use RoboVacuum.**

50 minutes

5 hours

4 **What other buttons do you want RoboVacuum to have? Add them to the picture below and tell your friends about them.**

Example: I want my RoboVacuum to have a timer button on the top. First, you press it. Then, you set the time by pressing the minutes and seconds buttons on the right.

- Gồm 4-5 hoạt động
- **Nghe – Listening:** Gồm một bài nghe từ đĩa CD (một đoạn văn hoặc một hội thoại dài 180 từ theo nội dung chủ đề của đơn vị bài). Các hoạt động kèm theo giúp học sinh luyện kĩ năng nghe hiểu để tìm thông tin đại ý, hoặc thông tin cụ thể theo bài đã nghe.

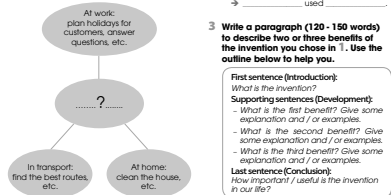
LESSON 6 (TIẾT 6): WRITING

VI WRITING

Writing about the benefits of an invention

1 Choose an invention in this unit. Draw a diagram to show how it is used. Then work in groups to guess one another's inventions.

Example:



Answer: It's Artificial Intelligence.

2 Rewrite the second sentence so that it has a similar meaning to the first. Use the expressions and the prompts below to help you.

Useful expressions:
 - Stb / Doing sth is one of the (many) benefits of
 - ... enable(s) / allow(s) / help(s) us to do sth.
 - ... is / are used in sth / for doing sth / to do sth.
 - ... is / are useful for sth / for doing sth / for sb to do sth / in doing sth.

- AI helps drivers to find the best routes in transport.
→ Helping drivers _____ benefits of AI in transport.
- Vacuum cleaners allow us to clean the house quickly.
→ _____ useful _____.
- Smartphones are used for learning languages.
→ help _____.
- Telephones are useful in communicating over long distances.
→ _____ used _____.

3 Write a paragraph (120 - 150 words) to describe two or three benefits of the invention you chose in 1. Use the outline below to help you.

First sentence (Introduction):
 What is the invention?
Supporting sentences (Development):
 - What is the first benefit? Give some explanation and / or examples.
 - What is the second benefit? Give some explanation and / or examples.
 - What is the third benefit? Give some explanation and / or examples.
Last sentence (Conclusion):
 How important / useful is the invention in our life?

VII COMMUNICATION AND CULTURE / CLIL

Everyday English

Making and responding to requests

1 Listen and complete a conversation at a computer store with the expressions in the box. Then practise it in pairs.

- Can you let me know about ...
- Can you please recommend ...
- Certainly
- Feel free to ask me if you need further information
- Sure

LESSON 7 (TIẾT 7): COMMUNICATION & CULTURE

VII COMMUNICATION AND CULTURE / CLIL

Everyday English

Expressing feelings

1 Listen and complete the conversation with the words from the box. Then practise it in pairs.

- excited
- worried
- cheerful
- confused

Ann: Hi Long! You look very (1) _____ today! I heard you went on a volunteer trip to the mountains. How was it?

Long: Great! I'm so happy and relaxed now. I didn't understand the purpose of the trip. I knew nothing about the place, so I also felt a little bit (2) _____.

Ann: Oh, did you go there with other members of the volunteer club?

Long: Yes, we went as a team. The local people were so friendly and helpful. Now we are preparing for our next volunteer trip in the summer. I'm so (3) _____ about it.

2 Imagine you are back from a volunteer trip. Work in pairs. Take on a role and act out a conversation like the one in 1. Use the expressions below to help you.

Useful expressions
 I feel / feel / am / was excited / confused / confident / pleased ...
 To be honest / I'm / I was a little bit stressed / disappointed / upset ...
 Volunteering / Helping people made me feel happy / grateful / appreciated ...

Culture

1 Read the text below and complete the diagram about Save the Children.

Save the Children is an international non-governmental organisation that helps improve children's lives. It was set up in the United Kingdom in 1919, and now it is working in 120 countries around the world.

Save the Children started to work in Vietnam in 1990. It provides practical support in different areas. One of the areas that the organisation particularly focuses on is education. It has organised different training courses to help teachers improve their teaching skills and use digital technology in their classrooms. It is also working on projects that create more opportunities for children in remote areas to go to school. By providing these children with books and other school materials, Save the Children makes sure they have access to learning. In addition, the organisation offers training on life-saving skills for both teachers and students in case of disasters. Children and households in need can also receive support from Save the Children.



Phần này được thiết kế nhằm mục đích giúp học sinh sử dụng ngôn ngữ đã học để giao tiếp trong cuộc sống thực, đồng thời cũng cung cấp thêm thông tin và kiến thức về văn hóa của Việt Nam cũng như của các nước khác trên thế giới. Gồm hai phần:

Everyday English

- Gồm 2 hoạt động, giúp học sinh sử dụng những cấu trúc giao tiếp hàng ngày, phát triển kỹ năng nói tiếng Anh trong các tình huống thực. Mục này sẽ giới thiệu cách hỏi – đáp trong các chức năng ngôn ngữ như: đưa ý kiến, hỏi và đưa ra lời khuyên, đưa ra gợi ý và hồi đáp...

Culture/CLIL

- Cung cấp thêm thông tin và kiến thức về văn hoá của Việt Nam cũng như của các nước khác trên thế giới hoặc các kiến thức liên môn như Địa lý, lịch sử, khoa học...

LESSON 8 (TIẾT 8): LOOKING BACK & PROJECT

Culture

1 Read the text and list the five family values of British people in the 21st century in the table below.

BRITISH FAMILY VALUES

Family values are ideas about how people want to live their family life and are passed on from parents to children. Strong family values can prepare children for a happy life. Results of a recent survey in the UK show that even though modern family life has changed greatly, a number of traditional family values are still important in the UK nowadays.

On top of the list are the values of being truthful and honest, and respecting older people. Children are taught to tell the truth from an early age. They learn to show respect to older people, who have a wealth of life experiences. Having good table manners is the third important family value. Coming fourth and fifth on the list are the values of remembering to say please and thank you, and helping with family chores respectively.

It is clear that in the 21st century, British people still follow some traditional family values.

Traditional British family values
1.
2.
3.
4.
5.

2 Work in pairs. Discuss whether Vietnamese people have similar family values.

VIII LOOKING BACK

Pronunciation

⑧ Listen and write /br/, /kr/ or /tr/ above the word that has the corresponding consonant blends. Then practise reading the sentences.

1. I like ice cream, but my brother likes bread pudding.
2. Tracy crashed her car into a tree and broke her leg.
3. They often have crab soup for breakfast.

Vocabulary

Complete the text. Use the correct forms of the word and phrases in the box.

do the washing-up	do the heavy lifting
do the cooking	clean the house
laundry	

In Thanh's family, everybody shares the housework. His mother (1) Thanh really enjoys the food she cooks. Thanh's father is a strong man, so he (2) He feels proud that he knows how to run a washing machine. Thanh's sister helps with (4) She does it regularly, so their house is never dirty. She also (5) after each meal.

Grammar

There is a mistake in each sentence below. Find the mistake and correct it.

1. I'm writing to you to tell you how much I'm wanting to see you.
2. Jack is away on business, so now I look after his dog.
3. Nam's often looking untidy.
4. She can't answer the phone now. She cooks dinner.
5. Excuse me, do you read the newspaper? Could I borrow it?
6. What are your family doing in the evening?

PROJECT

Happy Family Day!



Work in groups. Do research on Family Day in Viet Nam or other countries in the world.

Present your findings to the class. Your presentation should include:

- where it is celebrated
- when it is celebrated
- when it was first celebrated
- why it is celebrated
- what people often do to celebrate the day

Now I can ...	✓	✓✓	✓✓✓
• pronounce the consonant blends /br/, /kr/ and /tr/ correctly in isolation and in sentences.			
• understand and use words and phrases related to family life.			
• use the present simple to talk about something that happens regularly in the present, and the present continuous to talk about activities happening at the moment of speaking.			
• read for specific information in a text about the benefits of doing housework for children.			
• explain why children should or shouldn't do housework.			
• listen for specific information in a talk show about family life.			
• write about family routines.			
• express opinions.			
• understand family values in the UK.			
• do research on Family Day in Viet Nam or other countries and give a group presentation about it.			

- Gồm 2 phần:

+ **Looking back** (3 hoạt động)

Củng cố, luyện tập lại kiến thức phát âm, từ vựng và ngữ pháp đã học trong bài. Qua phần này, giáo viên sẽ nắm được học sinh đạt kết quả học tập đến đâu để có thể cho các em luyện tập thêm.

+ **Project**

Là một nhiệm vụ nhằm khuyến khích khả năng học tập, làm việc độc lập và theo nhóm của học sinh. Đây cũng là phần thực hành của mỗi Đơn vị bài học, gắn với thực tiễn, giúp phát triển tư duy và trí tưởng tượng của học sinh và giúp các em rèn luyện kỹ năng sống của mình.

2.4. Ví dụ, phân tích một vài chủ đề/ bài học đặc trưng minh họa cho những điểm mới của sách

Bộ sách *Tiếng Anh 10 – Global Success* bám sát chương trình tiếng Anh phổ thông năm 2018, được giảm tải so với bộ sách Tiếng Anh thí điểm 10 năm để phù hợp với việc giảng dạy đại trà. Nội dung các đơn vị bài học, ngữ liệu, hoạt động được thay thế, khác biệt so với bộ sách trước đó, cụ thể:

a. Hệ thống chủ đề: Có 2 chủ đề mới so với sách Tiếng Anh thí điểm 10 năm:

	Sách Thí điểm 10 năm	Tiếng Anh 10 - Global Success
Unit 2	Your body and you	Humans and the environment
Unit 7	Cultural Diversity	Viet Nam and international organisations

b. Giảm độ khó tổng thể để phù hợp với chương trình và phù hợp để dạy đại trà:

+ Mỗi bài học (lesson) chỉ gồm 4-5 hoạt động, đa số mỗi hoạt động gồm 5 câu hỏi.

2 Complete the sentences using the words in 1.

1. My mother is a _____. She doesn't go to work but stays at home to look after the family.
2. When I lived in this city, I used to shop for _____ at this supermarket.
3. My eldest son is strong enough to do the _____ for the family.
4. Hanna hates doing _____ except cooking.
5. Mr Lewis is the _____ of the family, but he still helps his wife with the housework whenever he has time.

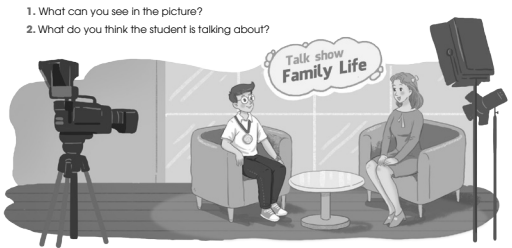
Unit 1

V LISTENING

Family support

1 **Work in pairs. Look at the picture and answer the questions.**

1. What can you see in the picture?
2. What do you think the student is talking about?



2 **Listen to the introduction to the talk show and check whether your answer to Question 2 above is correct or not.**

3 **Listen to the talk show and decide whether the statements are true (T) or false (F).**

	T	F
1. There are three people in Hieu's family.		
2. Hieu's parents teach him physics.		
3. When Hieu needs help, his brother always helps him.		
4. Hieu's family routines help them spend some time together every week.		

4 **Listen again and complete each sentence with ONE word from the recording.**

1. Hieu's parents always listen to him and cheer him up whenever he has _____.
2. His parents' _____ and trust give him strength to carry on.
3. Hieu's brother is his best friend. He shares his happy and _____ moments with him.

5 **Work in groups. Discuss the following question.**

How can parents help their children achieve success in their studies?

+ Getting started: ngoài phần đọc và nghe đoạn hội thoại, chỉ để 3 hoạt động, làm cho phần này thực sự là phần giới thiệu nhẹ nhàng, vui vẻ.

2 Read the conversation again and decide whether the following statements are true (T) or false (F).

	T	F
1. Nam's mother is cooking now.		
2. Everybody in Nam's family does some of the housework.		
3. The children in Minh's family don't have to do any housework.		

3 Write the verbs or phrasal verbs that are used with the nouns or noun phrases in the conversation.

	Verbs / Phrasal verbs	Nouns / Noun phrases
1.	<i>put out</i>	the rubbish
2.		the laundry
3.		groceries
4.		the heavy lifting
5.		the washing-up

4 Complete the sentences from the conversation with the correct forms of the verbs in brackets.

1. I'd love to, but I'm afraid I can't.
I (prepare) _____ dinner.
2. My mum usually (do) _____ the cooking,
but she (work) _____ late today.

+ Looking back: cắt ngắn câu hỏi để dành thời gian cho phần Project

VIII LOOKING BACK

Pronunciation

10 Listen and write /br/, /kr/ or /tr/ above the word that has the corresponding consonant blends. Then practise reading the sentences.

1. I like ice cream, but my brother likes bread pudding.
2. Tracy crashed her car into a tree and broke her leg.
3. They often have crab soup for breakfast.

Vocabulary

Complete the text. Use the correct forms of the word and phrases in the box.

do the washing-up	do the heavy lifting
do the cooking	clean the house
laundry	

In Thanh's family, everybody shares the housework. His mother (1) _____. Thanh really enjoys the food she cooks. Thanh's father is a strong man, so he (2) _____. Thanh helps with the (3) _____. He feels proud that he knows how to run a washing machine. Thanh's sister helps with (4) _____. She does it regularly, so their house is never dirty. She also (5) _____ after each meal.

c. Phần kĩ năng

+ Kĩ năng Nghe: bổ sung thêm 1 dạng bài Nghe – hiểu những thông tin, chỉ dẫn thông thường

V LISTENING

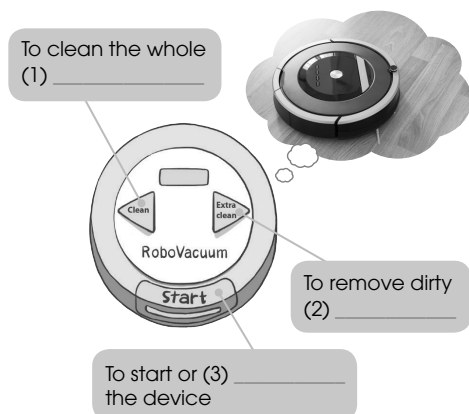
RoboVacuum

1 Complete the sentences with the words in the box.

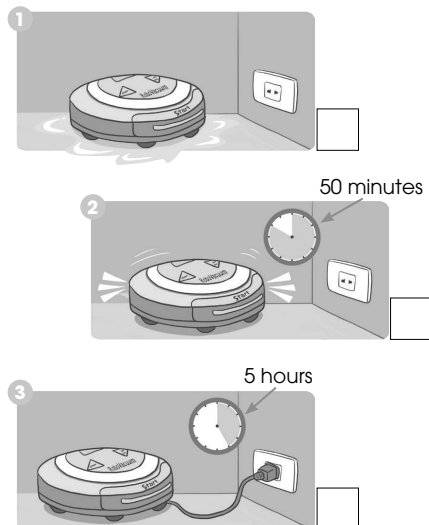
button charge stain

1. Press the _____ to start the device.
2. There is a dirty _____ on your smartphone. Wipe it away.
3. You need to _____ your mobile phone. The battery is very low.

2 **38** Listen to a conversation about RoboVacuum. Fill in each gap in the diagram below with ONE word.



3 **39** Listen again. Put a tick (✓) next to the correct way and a cross (✗) next to the wrong way to use RoboVacuum.



4 What other buttons do you want RoboVacuum to have? Add them to the picture below and tell your friends about them.

- + Kỹ năng Đọc: bổ sung thêm 2 dạng bài đọc còn thiếu là Đọc – hiểu những thông tin quan trọng trong các tờ thông tin, quảng cáo thường nhật và Đọc – hiểu những thông tin điệp đơn giản và các thông tin truyền thông về các chủ đề phổ biến



2 Read the following text and choose the best title for it.

- A. Green living
- B. Green issues
- C. Green products

Tips

When you choose the best title, you should:

- read through the whole text.
- pay attention to the opening paragraph.
- choose the title that best represents the idea of the whole text, not just part of it.

More and more people adopt a green lifestyle. It is a choice we make to change to a greener and more sustainable lifestyle. There are many things you can do to become an eco-friendly person. Here are some of them.

Turning off your appliances when they are not in use

This is one of the easiest ways to save energy and reduce your carbon footprint. It also helps reduce energy bills and prevent any dangerous situations such as a fire or an explosion.

Buying products that are grown using more natural and organic methods

This helps reduce the use of harmful chemicals in food. Organic food is better for us because it is safer and healthier. It also tastes better.

Cutting down on plastic use

This really helps the environment because it takes many years for plastic waste to break down into small pieces. Bring a reusable bag when you go shopping, and your own refillable bottle instead of buying bottled water.

Recycling as much as possible

This prevents pollution because it reduces the need to collect new raw materials and protects natural resources such as water and trees. So don't throw away your used household items, but sort and recycle them.

2 Read the brochures below. Then work in pairs to solve the crossword using words from the brochures.

a GREAT BARRIER REEF TOUR, AUSTRALIA

- ★ Dive with us to explore the most beautiful coral reef in the world
- ★ Swim in deep blue sea with colourful fish
- ★ Watch 3D documentaries to learn about sea animals and the coral reef, and what you can do to protect it
- ★ Price: Only \$99/adult & \$59/child
- ★ Time: 9 a.m. – 5 p.m. every day



b SAPA TREKKING TOUR, VIET NAM

- ★ A three-day walk of 20 kilometres a day through the mountains in the north of Viet Nam
- ★ Enjoy some of the country's most beautiful scenery
- ★ Stay with local people to learn about their culture and enjoy local food
- ★ Price: \$80/adult (children not allowed)
- ★ Starts every Wednesday and Sunday



- e. Bổ sung mục Everyday English nhằm cung cấp ngôn ngữ để thực hiện các chức năng giao tiếp thường ngày và nội dung tích hợp kiến thức liên môn (CLIL) vào phần Communication & Culture.

Everyday English

Asking for and giving advice

- 1  **Listen to a conversation between a woman and a tour guide. Fill in each gap with ONE word you hear. Then practise it with your partner.**

Woman: Excuse me. What do you think we (1) _____ wear tomorrow?

Guide: Well, it may be windy on the beach, so if I (2) _____ you, I would bring some warm clothes.

Woman: Thanks. And my friend is interested in diving. (3) _____ he bring his equipment?

Guide: I don't think that would be a good idea because the sea will probably be rough tomorrow. I'd (4) _____ surfing instead. People can rent surfboards and wetsuits at the beach shop.

Woman: That's a great idea. Thanks!

- 2 **Work in pairs. Make similar conversations asking for and giving advice about trips. Use the expressions below to help you.**

Useful expressions	
Asking for advice	Giving advice
Can you help me with (sth)?	You should / ought to / had better (do sth).
I have a problem and I need your help / advice.	It's / It'll be a good idea (to do sth).
Should I (do sth)?	If I were you, I would (do sth).
What do you think I should (do / bring...)?	What about / How about (doing sth)?
	Why don't you (do sth)?
	I'd recommend (doing sth).

CLIL

- 1 **Read the text and complete the table.**

CARBON FOOTPRINT

A carbon footprint is the total amount of CO₂ produced by human activities. It often also includes the emissions of other greenhouse gases. Although calculating your carbon footprint can be difficult, you can still estimate it based on how big your family is, how much electricity your appliances use, how much you drive or fly, or how much you recycle.

Globally, the average carbon footprint per person is more than 4 tons per year. Too much CO₂ in the Earth's atmosphere can cause serious problems. It can lead to increasing global temperatures and air pollution, and destroy the natural world.

f. Project: được điều chỉnh để phù hợp với thời gian, khả năng, điều kiện của người học.

PROJECT

Happy Family Day!



Work in groups. Do research on Family Day in Viet Nam or other countries in the world.

Present your findings to the class. Your presentation should include:

- where it is celebrated
- when it is celebrated
- when it was first celebrated
- why it is celebrated
- what people often do to celebrate the day

2.5. Phân phối chương trình/ Kế hoạch dạy học

Tiếng Anh 10 được sử dụng trong dạy và học Tiếng Anh ở lớp 10 với thời lượng 3 tiết/tuần (105 tiết cho một năm học với 35 tuần). Tiếng Anh 10 gồm 10 Đơn vị bài học (Units). Sau 2 -3 Đơn vị bài học là một bài Ôn tập (Review)

Tổng số tiết trong năm học: $35 \text{ tuần} \times 3 \text{ tiết} = 105 \text{ tiết}$ (6 tiết dự phòng)

Số tiết thực dạy: $8 \text{ tiết/bài} \times 10 \text{ bài} = 80 \text{ tiết}$

Số tiết ôn tập: $2 \text{ tiết/bài} \times 4 \text{ bài} = 8 \text{ tiết}$

Số tiết kiểm tra (giữa kì và cuối kì): $4 \times 2 = 8 \text{ tiết}$

Ôn tập kiểm tra học kì: $= 4 \text{ tiết}$

Dự phòng: $= 5 \text{ tiết}$

Học kì 1: $18 \text{ tuần} \times 3 \text{ tiết/tuần} = 54 \text{ tiết}$

Tuần	Tiết	Bài/Unit	Nội dung chi tiết	Sách học sinh
Tuần 1	1	UNIT 1	Getting started	Trang 8 - 9
	2	UNIT 1	Language	Trang 10 - 11
	3	UNIT 1	Reading	Trang 11 - 12
Tuần 2	4	UNIT 1	Speaking	Trang 12
	5	UNIT 1	Listening	Trang 13
	6	UNIT 1	Writing	Trang 14 - 15
Tuần 3	7	UNIT 1	Communication & Culture/ CLIL	Trang 15 - 16
	8	UNIT 2	Looking back & Project	Trang 16 - 17
	9	UNIT 2	Getting started	Trang 18 - 19
Tuần 4	10	UNIT 2	Language	Trang 19 - 21
	11	UNIT 2	Reading	Trang 21 - 22
	12	UNIT 2	Speaking	Trang 23
Tuần 5	13	UNIT 2	Listening	Trang 24
	14	UNIT 2	Writing	Trang 25
	15	UNIT 2	Communication & Culture/ CLIL	Trang 25 - 26
Tuần 6	16	UNIT 2	Looking back & Project	Trang 26 - 27
	17	UNIT 3	Getting started	Trang 28 - 29
	18	UNIT 3	Language	Trang 29 - 30
Tuần 7	19	UNIT 3	Reading	Trang 31 - 32
	20	UNIT 3	Speaking	Trang 32
	21	UNIT 3	Listening	Trang 33
Tuần 8	22	UNIT 3	Writing	Trang 33 - 34
	23	UNIT 3	Communication & Culture/ CLIL	Trang 34 - 35
	24	UNIT 3	Looking back & Project	Trang 36 - 37
Tuần 9	25	Review 1	Language	Trang 38 - 39
	26	Review 1	Skills	Trang 40 - 41
	27	Mid-	Mid-term test	
Tuần 10	28	term test	Feedback and correction	
	29	UNIT 4	Getting started	Trang 42 - 43
	30	UNIT 4	Language	Trang 43 - 44
Tuần 11	31	UNIT 4	Reading	Trang 45 - 46
	32	UNIT 4	Speaking	Trang 46
	33	UNIT 4	Listening	Trang 47

Tuần	Tiết	Bài/Unit	Nội dung chi tiết	Sách học sinh
Tuần 12	34	UNIT 4	Writing	Trang 48
	35	UNIT 4	Communication & Culture/ CLIL	Trang 49 - 50
	36	UNIT 4	Looking back & Project	Trang 50 - 51
Tuần 13	37	UNIT 5	Getting started	Trang 52 - 53
	38	UNIT 5	Language	Trang 53 - 54
	39	UNIT 5	Reading	Trang 55
Tuần 14	40	UNIT 5	Speaking	Trang 56
	41	UNIT 5	Listening	Trang 57
	42	UNIT 5	Writing	Trang 58
Tuần 15	43	UNIT 5	Communication & Culture/ CLIL	Trang 58 - 60
	44	UNIT 5	Looking back & Project	Trang 60 - 61
	45	Review 2	Language	Trang 62 - 63
Tuần 16	46	Review 2	Skills	Trang 64 - 65
	47	Revision	Revision for end-of term test	
	48	Revision	Revision for end-of term test	
Tuần 17	49	End-term test	End-of-term test	
	50		Feedback and correction	
	51		In reverse	
Tuần 18	52	UNIT 6	Getting started	Trang 66 - 67
	53	UNIT 6	Language	Trang 67 - 68
	54	UNIT 6	Reading	Trang 69 - 70

Học kì II: 17 tuần x 3 tiết/ tuần = 51 tiết.

Tuần	Tiết	Bài/Unit	Nội dung chi tiết	Sách học sinh
Tuần 19	55	UNIT 6	Speaking	Trang 70 - 71
	56	UNIT 6	Listening	Trang 71
	57	UNIT 6	Writing	Trang 72
Tuần 20	58	UNIT 6	Communication & Culture/CLIL	Trang 73 - 74
	59	UNIT 6	Looking back & Project	Trang 74 - 75
	60	UNIT 7	Getting started	Trang 76 - 77

Tuần	Tiết	Bài/Unit	Nội dung chi tiết	Sách học sinh
Tuần 21	61	UNIT 7	Language	Trang 77 - 78
	62	UNIT 7	Reading	Trang 79 - 80
	63	UNIT 7	Speaking	Trang 80 - 81
Tuần 22	64	UNIT 7	Listening	Trang 81 - 82
	65	UNIT 7	Writing	Trang 82
	66	UNIT 7	Communication & Culture/ CLIL	Trang 83 - 84
Tuần 23	67	UNIT 7	Looking back & Project	Trang 84 - 85
	68	UNIT 8	Getting started	Trang 86 - 87
	69	UNIT 8	Language	Trang 87 - 88
Tuần 24	70	UNIT 8	Reading	Trang 89 - 90
	71	UNIT 8	Speaking	Trang 90
	72	UNIT 8	Listening	Trang 91
Tuần 25	73	UNIT 8	Writing	Trang 92
	74	UNIT 8	Communication & Culture/ CLIL	Trang 93
	75	UNIT 8	Looking back & Project	Trang 94 - 95
Tuần 26	76	Review 3	Language	Trang 96 - 97
	77	Review 3	Skills	Trang 97 - 99
	78	Mid-term test	Mid-term test	
Tuần 27	79		Feedback and correction	
	80	UNIT 9	Getting started	Trang 100 - 101
	81	UNIT 9	Language	Trang 101 - 103
Tuần 28	82	UNIT 9	Reading	Trang 103 - 104
	83	UNIT 9	Speaking	Trang 104 - 105
	84	UNIT 9	Listening	Trang 106
Tuần 29	85	UNIT 9	Writing	Trang 106 - 107
	86	UNIT 9	Communication & Culture/ CLIL	Trang 107 - 108
	87	UNIT 9	Looking back & Project	Trang 108 - 109
Tuần 30	88	UNIT 10	Getting started	Trang 110 - 111
	89	UNIT 10	Language	Trang 111 - 112
	90	UNIT 10	Reading	Trang 113 - 114

Tuần	Tiết	Bài/Unit	Nội dung chi tiết	Sách học sinh
Tuần 31	91	UNIT 10	Speaking	Trang 114 - 115
	92	UNIT 10	Listening	Trang 115
	93	UNIT 10	Writing	Trang 116
Tuần 32	94	UNIT 10	Communication & Culture/ CLIL	Trang 117 - 118
	95	UNIT 10	Looking back & Project	Trang 118 - 119
	96	Review 4	Language	Trang 120 - 121
Tuần 33	97	Review 4	Skills	Trang 122 - 123
	98	Revision	Revision for end-of term test	
	99	Revision	Revision for end-of term test	
Tuần 34	100	End-term test	End-of-term test	
	101		Feedback and correction	
	102		In reverse	
Tuần 35	103		In reverse	
	104			
	105			

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC/ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Định hướng, yêu cầu cơ bản chung về đổi mới phương pháp dạy học của môn học/ hoạt động giáo dục

- Phương pháp giáo dục chủ đạo trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh, vào khả năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp thông qua các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học.
- Một phương pháp giáo dục nữa được quy định trong Chương trình là đường hướng phát triển năng lực. Đối với giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, đường hướng phát triển năng lực thể hiện những quan điểm và đường hướng chính như sau:

- + Việc học ngoại ngữ cần được xác định rõ mục tiêu, với các kĩ năng ngôn ngữ được xác định cụ thể từ đầu.
- + Các chức năng ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong chương trình học.
- + Ngôn ngữ có thể được phân theo chức năng thành những phần nhỏ có thể dạy và kiểm tra, đánh giá được.
- + Lấy năng lực giao tiếp làm trọng tâm.

2. Hướng dẫn, gợi ý phương pháp, cách thức tổ chức dạy học/ hoạt động giáo dục

Việc vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực, thiết kế tiến trình dạy học các bài học hoặc chủ đề dạy học đảm bảo các yêu cầu về phương pháp dạy học, cách xây dựng, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá chuỗi các hoạt động học theo sự định hướng phát triển năng lực người học là rất cần thiết đối với giáo viên trong giai đoạn hiện nay. Giáo viên có thể tham khảo một số hoạt động/ cách tổ chức dạy học sau để đạt được hiệu quả cao trong quá trình dạy sách *Tiếng Anh 10 – Global Success*:

** Tổ chức hoạt động khởi động, nêu vấn đề*

Hoạt động khởi động (tạo tình huống xuất phát) rất cần thiết trong dạy học nhằm phát triển năng lực cho học sinh, phát triển năng lực tư duy giải quyết vấn đề. Hoạt động này cần tạo ra những tình huống, những vấn đề giúp người học huy động tất cả các kiến thức hiện có, những kinh nghiệm, vốn sống của mình để cố gắng nhìn nhận và giải quyết theo cách riêng của mình. Như vậy, hoạt động tạo tình huống xuất phát là **một hoạt động học tập**, nên nhiệm vụ chuyển giao của giáo viên phải rõ ràng, học sinh phải được bày tỏ ý kiến riêng của mình và ý kiến của mình về vấn đề đó, cũng như việc trình bày báo cáo kết quả. Để tổ chức hiệu quả hoạt động này, giáo viên cần: Nêu vấn đề cần tìm hiểu của bài học khi khởi động. Hoạt động tiếp nối là một hoạt động học tập giúp hình thành kiến thức đã có trong sách giáo khoa, vì thế hoạt động này có mục đích, thời gian và sản phẩm. Giáo viên cần bố trí thời gian thích hợp cho các em học tập, bày tỏ quan điểm cũng như chia sẻ sản phẩm của hoạt động.

** Chia nhóm học tập*

Nhóm học tập rất cần thiết trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học. Khi học theo nhóm các em được chia sẻ ý kiến cho nhau, được hỗ trợ giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ nhằm phát triển năng lực và phẩm chất, hoàn thiện bản thân trong quá trình học tập. Việc chia nhóm phải đảm bảo cho các em học sinh được học tập thuận lợi, chỗ ngồi của nhóm phải dễ trao đổi thảo luận với nhau để cùng nhau học tập xây dựng bài học dưới sự điều khiển của giáo viên. Khi chia nhóm, giáo viên nên: Chia nhóm một cách tối ưu (nếu được 4 em một nhóm là tốt nhất) sao cho các em có thể trao đổi, thảo luận và quán xuyến công việc của nhau trong quá trình học tập. Có thể mỗi bàn học 4 em là 1 nhóm, hoặc ghép bàn tạo các nhóm 4 em...; Vị trí đặt bàn ghế các nhóm phải thuận lợi cho việc đi lại của giáo viên và học sinh, nên để không gian trong lớp sao cho

giáo viên có thể đi lại được xung quanh lớp học; Luân phiên chỉ định nhóm trưởng và thành viên trong nhóm báo cáo kết quả hoạt động nhóm một cách linh hoạt phù hợp trong các hoạt động của từng bài học.

** Sử dụng CNTT trong hỗ trợ tổ chức hoạt động học*

Dạy học có ứng dụng CNTT giúp giáo viên thuận lợi trong tổ chức hoạt động học. Những phần mềm, tranh ảnh, sơ đồ, video... có tác dụng thiết thực trong quá trình dạy học. Khi sử dụng CNTT tổ chức hoạt động học, giáo viên cần: Chuẩn bị chu đáo các thiết bị CNTT để hỗ trợ: phần mềm, máy tính...; Chỉ nên hỗ trợ trình chiếu khi chuyển giao nhiệm vụ, khi cần thuyết trình giải thích hoặc khi hệ thống hoá kiến thức bài học...; Chọn lọc âm thanh, hình ảnh, trích đoạn clip... phù hợp với cách tổ chức hoạt động.

3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài/ hoạt động điển hình

- * Với hoạt động Đọc (Reading), giáo viên có thể thực hiện theo quy trình sau:
 - Hoạt động trước Đọc: yêu cầu học sinh chiêm nghiệm, trao đổi, liên hệ với trải nghiệm bản thân, kiến thức nền của mình.
 - Hoạt động trong Đọc: giáo viên sẽ tiến hành các hoạt động học tập giúp phát triển các kĩ năng hỗ trợ khả năng đọc hiểu như đọc lấy ý chính (với dạng bài như: Tìm chủ đề thích hợp cho đoạn văn, Nối các đề mục cho từng đoạn...) hay đọc lấy thông tin chi tiết (Điền từ còn thiếu, Đúng/ Sai hoặc trả lời câu hỏi), và làm quen với các dạng văn bản và chủ đề khác nhau (như bài báo, đoạn giới thiệu, quảng cáo...)
 - Hoạt động sau Đọc: giáo viên tổ chức một số hoạt động giúp học sinh vận dụng nội dung trong bài đọc để thảo luận, đánh giá, so sánh, đối chiếu, phản biện hoặc sử dụng các từ ngữ, cấu trúc đã xuất hiện trong bài Đọc.
- * Với hoạt động Dự án (Project), giáo viên có thể xây dựng timeline để thực hiện dự án trong suốt đơn vị bài học. Dưới đây là ví dụ về quy trình thực hiện 1 dự án trong sách *Tiếng Anh 10 – Global Success*:

Project prep time (Unit 1)

Although the Project is at the end of the unit, preparations for it can start right after the first lesson. The aim of this activity is to inform Ss what the final product of the Project should be and how Ss can prepare for it.

- Ask Ss to open their books at the last page of Unit 1, the Project section, look at the picture and say what the topic of the Project is (Family Day). Ask Ss what they know about Family Day in Viet Nam.
- Explain the Project requirements: Ss will have to do research on Family Day in Viet Nam and other countries around the world, then give an oral presentation of the research results in the last lesson of the unit. Their presentation should include information

related to the five points listed on the project page. Alternatively, you can ask Ss to prepare a poster presenting the research results.

- Explain to Ss how they can get the information (search the Internet, read newspapers, go to the library, etc.).
- Put Ss into groups and have them choose their group leader. Then ask them to assign tasks for each group member, making sure that all group members contribute to the project work. Help Ss set deadlines for each task.
- Encourage them to start with doing research on Family Day in Viet Nam and report back in Lesson 3.

IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 sửa đổi, bổ sung Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT ban hành kèm Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 có nêu rõ về hai hình thức mà giáo viên có thể sử dụng để đánh giá học sinh là kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì.

a. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy và học, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành;
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập (Quy định kiểm tra thường xuyên hiện hành gồm kiểm tra miệng, kiểm tra viết dưới 1 tiết, kiểm tra thực hành dưới 1 tiết).
- Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT.

b. Kiểm tra, đánh giá định kì

Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành;

Kiểm tra, đánh giá định kì gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành,

dự án học tập (project) (Quy định kiểm tra định kì hiện hành gồm kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên, kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên, kiểm tra học kỳ).

- Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút, đối với môn chuyên tối đa 120 phút.
- Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.
- Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện.
- Đề kiểm tra phải dựa trên mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình: kiểm tra bốn kĩ năng giao tiếp (Nghe, Nói, Đọc, Viết) và kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) thông qua các chủ điểm/ chủ đề được nêu trong Chương trình.
- Bài kiểm tra cần bám sát nội dung trong sách giáo khoa (Getting started – Language – Reading – Speaking – Listening- Writing – Communication & Culture / CLIL - Looking back & Project).

2. Gợi ý, ví dụ minh họa (trong sách) về đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá

Như đã trình bày ở trên môn Tiếng Anh là môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số. Theo quy định tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021, việc đánh giá thường xuyên có thể thực hiện thông qua các dự án học tập. Vì vậy hệ thống dự án trong sách giáo khoa Tiếng Anh 10 – Global Success có thể được sử dụng để đánh giá thường xuyên.

Ví dụ về đánh giá thường xuyên:

Unit 1

PROJECT



Work in groups. Do research on Family Day in Viet Nam or other countries in the world.

Present your findings to the class. Your presentation should include:

- where it is celebrated
- when it is celebrated
- when it was first celebrated
- why it is celebrated
- what people often do to celebrate the day

Now I can ...

• pronounce the consonant blends /bz/, /tʃ/ and /fz/ correctly in isolation and in sentences.	✓	✓	✓
• understand and use words and phrases related to family life.			
• use the present simple to talk about something that happens regularly in the present, and the present continuous to talk about activities happening at the moment of speaking.			
• read for specific information in a text about the benefits of doing housework for children.			
• explain why children should or shouldn't do housework.			
• listen for specific information in a talk show about family life.			
• write about family routines.			
• express opinions.			
• understand family values in the UK.			
• do research on Family Day in Viet Nam or other countries and give a group presentation about it.			

17

Unit 2

PROJECT

GO GREEN WEEKEND

Work in groups. Make a plan for a Go Green Weekend event. Think of activities that you can organise during the weekend. You should also provide the reasons and expected results of each activity you suggest.

Present your plan to the class. Your presentation should include the following:

Activity	Time	Place	Reason	Expected result
Picking up litter	Sunday morning	City park	The park is dirty because many people drop litter on the paths.	It will make the park cleaner and more beautiful.

Now I can ...

• pronounce the consonant blends /kl/, /pl/, /gl/ and /ps/ correctly in isolation and in sentences.	✓	✓	✓
• understand and use words and phrases related to human activities and the environment.			
• use will and be going to to talk about the future.			
• use the passive voice.			
• read for main ideas and specific information in a text about green living.			
• talk about ways to live green.			
• listen for specific information in an announcement about a green event.			
• write about ways to improve the environment.			
• ask for and give advice.			
• understand what a carbon footprint is.			
• plan activities for a Go Green Weekend event and give a group presentation about the event.			

27

Ngoài ra để hỗ trợ giáo viên trong quá trình đánh giá, Sách giáo viên có cung cấp thêm các hoạt động và tiêu chí đánh giá

- Lesson 2: Language – Unit 3: Activity 2 - Pronunciation. Để giúp giáo viên đánh giá xem học sinh đã nắm vững được quy tắc phát âm các từ có 2 âm tiết hay chưa, giáo viên có thể tổ chức hoạt động như sau:

Divide Ss into two teams, or more teams in big classes. Write a two-syllable word on the board and have each team write as many words with the same stress pattern as they can on a piece of paper. Set a time limit of two minutes and when the time is up, have teams put down their pens and read their words. Write the correct ones on the board. Repeat with other two-syllable words with a different stress pattern. The team with the most correct words is the winner.

- Tiêu chí đánh giá với dự án học tập (Project) của Unit 1

Suggested checklist for peer assessment:

	<i>Tick where appropriate</i>	<i>Comments (in English or Vietnamese)</i>
DELIVERY		
<i>The presenters greet the audience.</i>		
<i>The presenters speak clearly and naturally.</i>		
<i>The presenters cooperate when delivering their talk.</i>		
<i>The presenters interact with the audience.</i>		
<i>The presenters use some photos / pictures to illustrate their ideas.</i>		
<i>The presenters conclude their talk appropriately.</i>		
<i>CONTENT: The presentation includes the following information about Family Day in Viet Nam and other countries</i>		
<i>- where it is celebrated</i>		
<i>- when it is celebrated</i>		
<i>- when it was first celebrated</i>		
<i>- why it is celebrated</i>		
<i>- what people often do to celebrate the day</i>		

Suggested checklist for self-assessment:

	<i>Tick where appropriate</i>	<i>Comments (in English or Vietnamese)</i>
DELIVERY		
- <i>I greeted the audience.</i>		
- <i>I spoke clearly and naturally.</i>		
- <i>I cooperated with my group members when delivering the talk.</i>		
- <i>I interacted with the audience.</i>		
- <i>I used some photos / pictures to illustrate my ideas.</i>		
- <i>I concluded my part of the talk appropriately.</i>		
CONTENT: <i>Our presentation included the following information about Family Day in Viet Nam and 2-3 other countries</i>		
- <i>where it is celebrated</i>		
- <i>when it is celebrated</i>		
- <i>when it was first started</i>		
- <i>why it is celebrated</i>		
- <i>what people often do to celebrate the day</i>		

Ngoài ra kết quả của các bài tập dự án có thể được sử dụng thay thế cho hoạt động kiểm tra định kỳ với kỹ năng Nói.

V. TÀI NGUYÊN VÀ HỢP PHẦN BỔ TRỢ

1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng Sách Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách giáo viên

Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách giáo viên được viết bằng tiếng Anh và được biên soạn nhằm mục đích hướng dẫn và gợi ý giáo viên cách khai thác sách học sinh tối đa để đạt kết quả học tập cao nhất. Các hoạt động gợi ý, hướng dẫn được viết theo quan điểm lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi học sinh trong khi tham gia vào các hoạt động ngôn ngữ và giao tiếp trên lớp học.

Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách giáo viên bao gồm những cấu phần như sau:

- Mục tiêu của từng Unit
- Hướng dẫn chi tiết các bước lên lớp của từng hoạt động trong từng tiết học (Lesson), từng Đơn vị bài học (Unit) trong SHS.
- Audio scripts của các phần nghe và đáp án cho các hoạt động trong SHS, bao gồm câu trả lời mẫu cho cả hoạt động nói và viết.

Một điểm khác biệt của Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách giáo viên chính là các hoạt động mở rộng (Extension activity) sau mỗi hoạt động học tập trong sách học sinh để giáo viên có thêm sự lựa chọn cho phù hợp với trình độ của học sinh và bối cảnh giảng dạy.

Sách giáo viên cung cấp cho giáo viên những thông tin cơ bản và thiết thực về Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách học sinh, đồng thời hướng dẫn giáo viên thực hiện việc dạy học sách học sinh thông qua miêu tả các hoạt động dạy học trong sách. Việc miêu tả các hoạt động này chủ yếu mang tính chất định hướng, tham khảo đối với giáo viên trong quá trình dạy học.

Để phục vụ đối tượng sử dụng sách đa dạng bao gồm các giáo viên còn ít kinh nghiệm cũng như các giáo viên đã có kinh nghiệm nhất định trong lĩnh vực dạy học tiếng Anh, Sách giáo viên cung cấp hướng dẫn dạy học thông qua việc thực hiện tuần tự các bước dạy học cơ bản của mỗi hoạt động trong một tiết học. Trên cơ sở đó, giáo viên có thể xây dựng và phát triển giáo án dạy học đáp ứng nhu cầu của lớp học cụ thể.

Tuỳ theo điều kiện dạy học cụ thể của địa phương (đặc điểm của học sinh, cơ sở vật chất, môi trường dạy học Tiếng Anh...) và đặc thù của giáo viên, giáo viên có thể lựa chọn sử dụng Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách giáo viên theo những phương thức như sau:

- Sử dụng Sách giáo viên một cách linh hoạt theo hướng: áp dụng một số hướng dẫn dạy học trong Sách giáo viên phù hợp với điều kiện dạy học ở địa phương; và điều chỉnh hoặc bổ sung thêm những phương pháp, hình thức tổ chức, kĩ thuật dạy học khác nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên cơ sở đáp ứng mục tiêu dạy học đề ra trong Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách giáo viên;
- Tham khảo hướng dẫn dạy học trong Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách giáo viên, từ đó phát triển giáo án dạy học của cá nhân đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực giao tiếp của đối tượng học sinh cụ thể trên cơ sở tuân thủ định hướng dạy học của Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách học sinh.

Dù lựa chọn phương thức sử dụng Sách giáo viên như thế nào, trước hết, giáo viên cần phải tìm hiểu và nắm vững Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh, đặc biệt là yêu cầu cần đạt đối với học sinh sau mỗi giai đoạn học tập được quy định trong Chương trình. Giáo viên cũng cần nắm vững định hướng dạy học của Tiếng Anh 10 – Sách học sinh thông qua tìm hiểu phần Introduction được giới thiệu ở phần đầu của Tiếng Anh 10 – Sách giáo viên.

Giáo viên nên sử dụng Sách giáo viên một cách linh hoạt trên cơ sở tham khảo các nguồn tài liệu hỗ trợ dạy học khác như mạng Internet, sách tham khảo về phương pháp dạy học, sách mềm dạy học, công nghệ hỗ trợ dạy học, giáo án điện tử (trên sachmem.vn), video dạy mẫu...

Giáo viên không nên coi Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách giáo viên như là mẫu giáo án được biên soạn sẵn, tài liệu này chủ yếu mang tính chất hướng dẫn, minh họa cho giáo viên trong quá trình dạy học. Giáo viên cần vận dụng Sách giáo viên một cách phù hợp để đáp ứng điều kiện dạy học đa dạng ở địa phương cũng như nhu cầu, năng lực của các đối tượng học sinh khác nhau trong lớp học nhằm phát huy tối đa hiệu quả của Sách giáo viên và góp phần dạy học phát triển năng lực cho học sinh.

2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách bài tập

Đi kèm với Sách học sinh Tiếng Anh 10 là Sách bài tập. Sách bài tập được biên soạn giúp học sinh ôn tập lại và mở rộng, khắc sâu kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ học trên lớp, tăng thêm vốn từ, làm quen với các dạng bài thi và kiểm tra trong nước và quốc tế.

Sách bài tập bao gồm các phần:

I. Pronunciation

Củng cố khả năng phát âm, khả năng nhận biết của học sinh về những âm phát âm giống nhau và khác nhau trong từ, trọng âm, từ, ngữ điệu trong câu.

II. Vocabulary

Củng cố từ vựng đã học, mở rộng vốn từ vựng thông qua các dạng bài tập khác nhau.

III. Grammar

Củng cố cấu trúc ngữ pháp học sinh đã học thông qua các dạng bài tập khác nhau.

IV. Speaking

Củng cố khả năng nói thông qua các hoạt động Nói theo tình huống, gợi ý cho sẵn.

V. Reading

Củng cố và phát triển kỹ năng đọc hiểu ở cấp độ đoạn văn dài thông qua các dạng bài luyện đọc khác nhau.

VI. Writing

Củng cố kỹ năng viết câu, viết đoạn văn, và các thể loại viết khác của học sinh về những chủ đề đã học theo chương trình.

Ngoài 10 đơn vị bài tập theo 10 đơn vị bài học, sách Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách bài tập còn có 4 bài Test Yourself giúp học sinh tự kiểm tra những nội dung kiến thức và những yêu cầu về kỹ năng các em đã học sau mỗi 2 hoặc 3 đơn vị bài học, đồng thời làm quen với các dạng bài thi và kiểm tra.

3. Giới thiệu sách tham khảo và hợp phần bổ trợ

3.1. Bài tập phát triển năng lực tiếng Anh 10

Bộ sách Bài tập phát triển năng lực tiếng Anh THPT được biên soạn để hỗ trợ cho nhà trường, giáo viên và học sinh có thêm tài liệu củng cố và bổ trợ nâng cao kiến thức môn tiếng Anh dành cho bậc học THPT dựa trên kiến thức nội dung của SGK Tiếng Anh Global Success và chương trình GDPT môn Tiếng Anh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Nguồn tài nguyên và hợp phần bổ trợ tại website tienganh.sachmem.vn

Để nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh ở cấp THPT, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã triển khai một hệ thống học liệu để hỗ trợ việc dạy và học tiếng Anh của giáo viên và học sinh. Hệ thống học liệu này bám sát Chương trình và sách giáo khoa tiếng Anh lớp 10, giúp giáo viên nâng cao năng lực dạy học và giúp học sinh học tiếng Anh hứng thú và hiệu quả.

4.1. Bản thuyết minh, đề cương chi tiết

Bản thuyết minh, đề cương chi tiết trên website tienganh.sachmem.vn cung cấp các thông tin chi tiết về bộ sách *Tiếng Anh 10 – Global Success* (Đội ngũ tác giả; Mục đích biên soạn; Đối tượng và phạm vi sử dụng; Cấu trúc - nội dung sách; Quá trình và kết quả thực nghiệm), phân phối chương trình và kế hoạch dạy học cũng như hệ thống học liệu thông minh và hợp phần bổ trợ.

4.2. Audio CD

Cung cấp audio cho các hoạt động dạy ngữ âm và dạy kỹ năng nghe.

4.3. Giáo án minh họa (Lesson Plans)

Cung cấp các giáo án minh họa cho các đơn vị bài học giúp giáo viên hình dung được các thành tố của một giáo án chuẩn và quy trình lên lớp. Dựa vào đó giáo viên có thể tự thiết kế giáo án của mình.

4.4. Bộ đề kiểm tra (thường xuyên và định kì)

Bộ đề kiểm tra (thường xuyên và định kì) được xây dựng dựa trên sự phân tích kỹ lưỡng về các yêu cầu kiến thức, kỹ năng và chuẩn đầu ra, bám sát các nội dung dạy học trên lớp, giúp cho học sinh và giáo viên đo lường được tiến bộ và tiến độ của việc học tập. Các câu hỏi được biên soạn với đầy đủ các thành tố ngôn ngữ được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh, từ ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng tới các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết. Với hệ thống câu hỏi, bài tập được xây dựng bám sát chuẩn đầu ra và các yêu cầu về kiến thức ngôn ngữ cũng như kỹ năng của Chương trình, Bộ đề kiểm tra hỗ trợ giáo viên và học sinh nâng cao chất lượng dạy và học thông qua việc cung cấp những nội dung cụ thể tùy biến phù hợp cho từng đối tượng và điều kiện cụ thể, ngoài ra còn hỗ trợ việc lựa chọn một hoặc một nhóm các năng lực, kiến thức cũng như kỹ năng một cách nhanh chóng và thuận tiện.

4.5. Bài giảng điện tử

Bài giảng điện tử là hệ thống các bài soạn gợi ý dựa trên nền tảng công nghệ điện tử (PowerPoint). Hệ thống bài soạn điện tử có nội dung bám sát các Đơn vị bài học trong sách giáo khoa *Tiếng Anh 10 – Global Success*. Mỗi bài soạn được thiết kế chi tiết cho từng hoạt động cho mỗi giờ lên lớp, bao gồm mục tiêu hoạt động, nội dung dạy học, các bước lên lớp cụ thể kèm thời gian, gợi ý các đồ dùng thiết bị cần sử dụng hay các trò chơi, bài tập tương tác và cách thức đánh giá kết quả học tập sau mỗi hoạt động.

Bài giảng điện tử có thể được sử dụng như một giáo án gợi ý, vừa giúp giáo viên tiết kiệm thời gian thiết kế bài dạy, vừa ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Trên cơ sở hệ thống bài giảng điện tử gợi ý, giáo viên có thể chỉnh sửa, nâng cấp để tạo ra những giáo án của riêng mình một cách dễ dàng, linh hoạt. Bài giảng điện tử cũng được tích hợp trong *sachmem.vn*.

4.6. Video tiết giảng minh họa

Cung cấp một số tiết giảng minh họa được các chuyên gia, giáo viên nhiều kinh nghiệm giảng dạy. Các tiết giảng minh họa là nguồn tham khảo giúp giáo viên hình dung được cụ thể các bước lên lớp hiệu quả, từ đó có thể xây dựng tiến trình giảng dạy của bản thân.

4.7. Video hướng dẫn phát âm

Hướng dẫn rất kỹ cách phát âm về khẩu hình miệng, cách kết hợp giữa răng, môi và lưỡi để tạo ra âm chính xác của từng âm tiết trên bảng phiên âm quốc tế IPA (International Phonetic Alphabet); video cũng hướng dẫn phát âm các từ và câu có chứa các âm đó.

4.8. Tài liệu tập huấn

Cung cấp các thông tin toàn diện về bộ sách bao gồm các yêu cầu trong Chương trình, quan điểm biên soạn, cấu trúc, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá, các học liệu bổ trợ...

4.9. Phân phối chương trình/ Kế hoạch dạy học

Cung cấp thông tin chi tiết về kế hoạch dạy học từng học kì, tuần học và tiết học, thời gian kiểm tra đánh giá...

4.10. Hệ thống LMS (học liệu thông minh)

hoclieu.vn là một hệ thống các bài tập và ứng dụng học tập bao gồm: Học liệu điện tử, công cụ hỗ trợ học tập môn Tiếng Anh và các môn học khác; Hệ thống câu hỏi ôn luyện và công cụ khảo sát, kiểm tra đánh giá kiến thức theo chương trình GDPT 2018; Cổng luyện thi tốt nghiệp THPT; Hệ thống quản lí học tập (LMS).

hoclieu.vn còn hỗ trợ:

Học sinh:

- Cho phép học sinh làm bài dễ dàng qua ứng dụng trên điện thoại;

- Phân tích dữ liệu để gợi ý bài tập cần thiết, phù hợp cho từng học sinh;
- Nâng cao chất lượng giáo dục nhờ hạn chế bài tập trùng lặp trong lớp;
- Xem bài giải, hướng dẫn, kiến thức khi gặp khó khăn trong giải bài tập;
- Đảm bảo học sinh làm chủ kiến thức, kỹ năng theo SGK và chương trình giáo dục phổ thông.

Giáo viên:

- Tạo và quản lý lớp học chính khóa, bổ trợ;
- Chấm bài và gửi báo cáo tổng hợp, chi tiết đến từng học sinh;
- Tạo các báo cáo phân tích đa chiều giúp giáo viên điều chỉnh nội dung giảng dạy;
- Giao bài tập bổ sung đến từng lớp, từng học sinh theo nhu cầu.

Phụ huynh:

- Dễ dàng nắm bắt được tiến bộ của học sinh;
- Dễ dàng phối hợp với giáo viên và hỗ trợ học sinh trong học tập;
- Có công cụ khích lệ học sinh say mê học tập.

Cấp quản lý giáo dục:

- Thống kê thông tin chính xác, quản lý toàn diện;
- Nâng cao chất lượng dạy và học tại cơ sở giáo dục.

4.11. Lingo Bee

Ứng dụng luyện học sách giáo khoa Tiếng Anh với gần 2 triệu câu hỏi xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 12, xoay quanh các dạng bài, bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết được xuất hiện cân bằng giúp học sinh ghi nhớ chắc kiến thức cơ bản của sách giáo khoa Tiếng Anh. Mục tiêu lớn nhất khi xây dựng phần mềm LINGO là tạo hứng thú, giúp học sinh nắm dần kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh thông qua các bài tập nhỏ, có thể học tranh thủ mọi lúc, mọi nơi và cá nhân hóa học tập để đạt hiệu quả cao trong việc học Tiếng Anh.

4.12. Sách mềm

sachmem.vn là một hệ thống phần mềm kèm theo học liệu điện tử do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội – đơn vị thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xây dựng, có tên miền là *sachmem.vn*. Mục đích của *sachmem.vn* là giúp nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Anh trong tất cả các cấp, lớp thuộc hệ thống giáo dục phổ thông trong đó có Tiếng Anh 10. *sachmem.vn* được thể hiện rất đa dạng, phong phú và được nâng cấp thường xuyên để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và dạy học của giáo viên. Hiện tại, giáo viên dạy tiếng Anh trên toàn quốc đang được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cấp quyền sử dụng miễn phí kho phần mềm sách điện tử tương tác và học liệu điện tử bổ trợ cho bộ sách giáo khoa Tiếng Anh phổ thông trên ứng dụng *sachmem.vn*.

Khi mua sách *Tiếng Anh 10 – Global Success*, học sinh sẽ có một mã thẻ đính kèm sách để sử dụng phần mềm sách điện tử tương tác. Một số nội dung dạy học cơ bản được thể hiện trên *sachmem.vn* là:

- Sách giáo khoa và sách bài tập: Toàn bộ nội dung sách giáo khoa và sách bài tập được chuyển thể thành phần mềm sách điện tử tương tác, tích hợp hình ảnh, hình ảnh động, âm thanh, video, hoạt động tương tác, trò chơi học tập, công nghệ nhận diện giọng nói, chấm điểm tự động...
- Sách giáo viên: Toàn bộ nội dung sách giáo viên được tích hợp trong phần mềm sách điện tử tương tác sách giáo khoa phiên bản dành cho giáo viên.
- Phân phối chương trình: hay còn gọi là kế hoạch dạy học môn tiếng Anh đã được giới thiệu vắn tắt ở phần trên.

Ngoài những nội dung kể trên, *sachmem.vn* còn cung cấp nhiều học liệu khác như Bài giảng điện tử, Giáo án giờ lên lớp, Video một số tiết giảng mẫu... *sachmem.vn* tạo môi trường tương tác, trao đổi thông tin đa chiều giữa giáo viên với giáo viên, giữa giáo viên với các chuyên gia, giữa giáo viên và phụ huynh học sinh. Trang diễn đàn dạy học môn học giúp giáo viên ngày càng nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Anh 10.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

QUY TRÌNH THIẾT KẾ BÀI DẠY (GIÁO ÁN)

Hoạt động chuẩn bị cho một giờ dạy học đối với giáo viên thường được thể hiện qua việc chuẩn bị giáo án. Đây là hoạt động xây dựng kế hoạch dạy học cho một bài học cụ thể, thể hiện mối quan hệ tương tác giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với học sinh nhằm đạt được những mục tiêu của bài học.

1. Các bước thiết kế một giáo án

Quy trình chuẩn bị một giờ học với các bước thiết kế một giáo án và khung cấu trúc của một giáo án cụ thể như sau:

- **Bước 1:** Xác định mục tiêu/ yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng, năng lực, phẩm chất và thái độ trong chương trình. Bước này được đặt ra bởi việc xác định mục tiêu của bài học là một khâu rất quan trọng. Mục tiêu (yêu cầu) vừa là cái đích hướng tới, vừa là yêu cầu cần đạt của giờ học; hay nói khác đi đó là thước đo kết quả quá trình dạy học. Nó giúp giáo viên xác định rõ các nhiệm vụ sẽ phải làm (dẫn dắt học sinh tìm hiểu, vận dụng những kiến thức, kĩ năng nào; phạm vi, mức độ đến đâu; qua đó giáo dục cho học sinh những bài học gì). Giáo viên có thể tham khảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng và thái độ dành cho chương trình Tiếng Anh lớp 10 trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác định chính xác mục tiêu cho từng bài học.

- **Bước 2:** Xác định nội dung dạy học, phương pháp, phương tiện, học liệu, thiết bị dạy học. Nghiên cứu sách giáo khoa và các tài liệu liên quan để: hiểu chính xác, đầy đủ những nội dung của bài học; xác định những kiến thức, kĩ năng, thái độ cơ bản cần hình thành và phát triển ở học sinh; xác định trình tự logic của bài học. Mỗi giáo viên không chỉ có kĩ năng tìm đúng tư liệu cần đọc mà cần có kĩ năng định hướng cách chọn, đọc tư liệu cho học sinh. Nếu nắm vững nội dung bài học, giáo viên sẽ phác họa những nội dung và trình tự nội dung của bài giảng phù hợp, thậm chí có thể cải tiến cách trình bày các mạch kiến thức, kĩ năng, xây dựng một hệ thống câu hỏi, bài tập giúp học sinh nhận thức, khám phá, vận dụng các kiến thức, kĩ năng trong bài một cách thích hợp.

- **Bước 3:** Xác định khả năng đáp ứng các nhiệm vụ nhận thức của học sinh, gồm: xác định những kiến thức, kĩ năng mà học sinh đã có và cần có (ví dụ học sinh đã học những nội dung gì trong chương trình Tiếng Anh lớp 9 và những đơn vị bài học trước đó); dự kiến những khó khăn, những tình huống có thể nảy sinh và các phương án giải quyết. Trong giờ học theo định hướng đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo viên không những phải nắm vững nội dung bài học mà còn phải hiểu đối tượng học sinh để lựa chọn phương pháp dạy, phương tiện dạy học, các hình thức tổ chức dạy học và đánh giá cho phù hợp. Như vậy, trước khi soạn giáo án cho giờ học mới, giáo viên phải lường trước các tình huống, các cách giải quyết nhiệm vụ học tập của học sinh...

- **Bước 4:** Lựa chọn phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách thức đánh giá thích hợp nhằm giúp học sinh học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. Theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, giáo viên phải quan tâm tới việc phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, tinh thần hợp tác, kỹ năng vận dụng kiến thức vào những tình huống khác nhau trong học tập và trong thực tiễn; tác động đến tư tưởng và tình cảm để đem lại niềm vui, hứng thú trong học tập cho học sinh. Ví dụ các hình thức học tập dự án, phương pháp dạy học đảo ngược có thể đáp ứng các yêu cầu đổi mới trong phương pháp dạy học hiện nay.

- **Bước 5:** Thiết kế giáo án

Đây là bước giáo viên bắt tay vào soạn giáo án – thiết kế nội dung, nhiệm vụ, cách thức hoạt động, thời gian và yêu cầu cần đạt cho từng hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh. Trong thực tế, có nhiều giáo viên khi soạn bài thường chỉ đọc Sách học sinh, Sách giáo viên và bắt tay ngay vào hoạt động thiết kế giáo án; thậm chí chỉ căn cứ vào những gợi ý của sách giáo viên để thiết kế giáo án mà bỏ qua các khâu xác định mục tiêu bài học, xác định khả năng đáp ứng nhiệm vụ học tập của học sinh, nghiên cứu nội dung dạy học, lựa chọn các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách thức đánh giá thích hợp nhằm giúp học sinh học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. Về nguyên tắc, cần phải thực hiện qua các bước 1, 2, 3, 4 trên đây rồi hãy bắt tay vào soạn giáo án cụ thể.

2. Cấu trúc của giáo án

Giáo án bao gồm các nội dung chính như sau:

- Mục tiêu bài học:

- + Nêu rõ yêu cầu học sinh cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ;
- + Các mục tiêu được biểu đạt bằng động từ cụ thể, có thể lượng hoá được.

- Chuẩn bị về phương pháp và phương tiện dạy học:

- + Giáo viên chuẩn bị các thiết bị dạy học (tranh ảnh, mô hình, hiện vật, hoá chất...), các phương tiện dạy học (máy chiếu, TV, đầu video, máy tính...) và tài liệu dạy học cần thiết;
- + Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài học (soạn bài, làm bài tập, chuẩn bị tài liệu và đồ dùng học tập cần thiết).

- Tổ chức các hoạt động dạy học: Trình bày rõ cách thức triển khai các hoạt động dạy – học cụ thể. Với mỗi hoạt động cần chỉ rõ:

- + Tên hoạt động;
- + Mục tiêu của hoạt động;
- + Cách tiến hành hoạt động;
- + Thời lượng để thực hiện hoạt động;
- + Kết luận của giáo viên về: những kiến thức, kỹ năng, thái độ học sinh cần có sau hoạt động; những tình huống thực tiễn có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ đã học để giải quyết; những sai sót thường gặp; những hậu quả có thể xảy ra nếu không có cách giải quyết phù hợp;...

- Hướng dẫn các hoạt động tiếp nối: xác định những việc học sinh cần phải tiếp tục thực hiện sau giờ học để củng cố, khắc sâu, mở rộng bài cũ hoặc để chuẩn bị cho việc học bài mới.

3. Bài soạn minh họa

Unit 8

NEW WAYS TO LEARN

OBJECTIVES:

By the end of this unit, students will be able to:

- identify and use sentence stress appropriately;
- understand and use words and phrases related to different ways of learning;
- understand and use defining and non-defining relative clauses with *who, that, which, and whose*;
- read for main ideas and specific information in a text about online and face-to-face learning;
- talk about the advantages and disadvantages of online learning;
- listen to instructions on how to prepare for a blended learning class for specific information;
- write about the benefits of blended learning;
- give instructions;
- learn about modern schools in the world and in Viet Nam;
- do a survey to find out how students use electronic devices to learn and report survey results in a group presentation.

WARM-UP & INTRODUCTION

Aims:

- To create a friendly and lively atmosphere in the classroom;
 - To lead into the unit.
- Put Ss into groups. Tell them to write the names of as many international organisations as they can remember from *Unit 7* or from their research. Set a time limit of one minute. Have groups say how many organisations they have come up with. Praise the group with the most correct names.
 - Find some video clips showing different kinds of classes (traditional class, online class, etc.) and ask Ss to describe what they can see in each video. Accept all reasonable answers.
 - Ask Ss to guess what they are going to learn in this unit. Write the topic *New ways to learn* on the board. Then ask Ss to open their books at page 82. Draw their attention to the unit overview and briefly introduce the language and skills points, the communication and culture / CLIL topics, and the project.

LESSON 1. GETTING STARTED

NEW LEARNING ACTIVITIES

ACTIVITY 1

Aims:

- To introduce the unit topic (*New ways to learn*);
 - To introduce some vocabulary and the grammar points to be learnt in the unit.
- Set the context for listening and reading the conversation. Have Ss look at the picture. Ask Ss questions about it, e.g. *Where are they?* (They're in a room / at home), *How are they related?* (They're friends), *What are they doing?* (They're talking / chatting).
 - Encourage Ss to use their imagination and accept all answers. Then explain that Nam and Phong are in Nick's room and they are talking about learning activities at school.
 - Play the recording twice for Ss to listen and read along. Have Ss underline words / phrases related to learning or education.
 - Put Ss in pairs and ask them to compare the words / phrases they have underlined and discuss their meanings. Then check comprehension as a class.
 - Call on two or three pairs of Ss to read the conversation aloud.

Audio script – Track 58:

Phong: Hi, Nick. What are you doing?

Nick: I'm watching the video that my geography teacher uploaded on Eclass.

Phong: Really? What is it about?

Nick: It's about global warming. My teacher asked us to watch the video and find more information about this topic.

Phong: So, is watching the video for part of your homework?

Nick: Yes, then next week, we'll work in groups and discuss the topic in class.

Phong: Sounds interesting. You can watch the video many times and also search for more information at home.

Nick: You're right. I'm not good at taking notes in class, you know. So I prefer this way of learning. It gives me a chance to discuss with my classmates, who may have original ideas on the topic.

Phong: Does your teacher often ask you to prepare materials at home and discuss in class, Nick?

Nick: Yes, she does. We're doing a lot of projects that help us understand the lessons better. This way of studying, which gives us more control over our own learning, is quite useful.

Phong: You're lucky. My teachers use very traditional methods of teaching at my schools. I wish I could try these new learning activities.

ACTIVITY 2

Aim: To check Ss' comprehension of the conversation.

- Ask Ss to work in pairs and read each statement carefully. Ask them to guess whether these statements are true or false, then read the conversation and locate the part of the conversation that contains the information.
- Call out each statement and have different pairs provide their answers.
- Confirm the correct answers.

Key: 1. T 2. F 3. T

Extension: Ask Ss some additional comprehension questions to check their understanding of other parts of the conversation, e.g. *Where does Nick get the materials for his homework? What will Nick and his classmates do in their next week's class? Do Phong's teachers use the same teaching activities as Nick's teachers?*

ACTIVITY 3

Aim: To help Ss revise collocations related to learning activities.

- Have Ss read the conversation quickly again to find these words and underline them. Then ask Ss to do the matching.
- Check answers. Write the verbs on the board, and call on individual Ss to write the nouns to complete the phrases.

Key: 1. b 2. c 3. d 4. a

Extension: Put Ss into pairs and have them pass the collocations between them. Ask them to say the words quickly like a ball passing between tennis players. For example, Student A says *upload*, Student B immediately says *a video*. Encourage them to practise other phrases from the conversation or previous units, e.g. *sounds interesting, global warming, disadvantaged children / areas*. In stronger classes, make the game competitive. The pair that continues for the longest time without making mistakes is the winner.

ACTIVITY 4

Aim: To help Ss identify relative clauses.

- Have Ss read the four incomplete sentences. Elicit the type of grammar words that they need to fill in the gaps (relative pronouns) and give some examples.
- In weaker classes, encourage Ss to read the conversation again and find the sentences. Remind them that they might be paraphrased.
- Check answers by calling on individual Ss to read the complete sentences.
- Focus Ss' attention on the sentences that contain the relative clauses and elicit the grammar points (relative clauses with *who, which, that, whose*).

Key: 1. that 2. who 3. that 4. which

PROJECT PREPARATION

The aim of this activity is to inform Ss what the final product of the Project should be like and how Ss can prepare for it.

- Ask Ss to open their books at the last page of *Unit 8*, the **Project** section, look at the picture and say what the topic of the Project is (how students in their class use electronic devices to study).
- Show the class the table of guided questions, and elicit what type of information that they need to fill in and which questions they can use to get the information from other friends.
- Set timeline for Ss to do the survey, gather information, and collect numerical data, which they need to collate, analyse and present in a different way (graphs, charts, etc.).
- Put Ss into groups and have them choose their group leader. Help Ss set deadlines for each task.

LESSON 2. LANGUAGE

PRONUNCIATION

SENTENCE STRESS

ACTIVITY 1

Aim: To give Ss practice in identifying sentence stress and using it appropriately.

- Write the first sentence on the board and call on one or two Ss to read it. Ask questions to elicit the concept of sentence stress, e.g. *Do you stress each word in the sentence? Do you put any stress on words such as 'we', 'the', and 'for'? Which words do you stress?*
- Focus Ss' attention on the **Tips** box and have Ss read the explanation and example.
- Play the recording and ask Ss to listen and repeat. Tell them to pay attention to the stressed words in the first sentence.
- Play the rest of the recording and ask Ss to repeat.
- Have Ss practise reading the sentences in pairs. Walk round the class and check Ss' pronunciation and stress placement. Call on some Ss to read them aloud.

Audio script – Track 59:

1. We should **'finish** the **'project** for our **'history 'class**.
2. **'Peter** is **re'vising** for his **e'xam 'next 'week**.
3. **'Students** will **'spend** more **'time 'working** with **'other 'classmates**.
4. I **'like** to **'watch 'videos** that **'help** me **'learn 'new 'things**.
5. I have **in'stalled** some **'apps** on my **'phone**.

ACTIVITY 2

Aim: To give Ss practice in identifying sentence stress and using it appropriately.

- Ask Ss to read the sentences. Check comprehension.
- Have Ss underline the stressed words in each sentence individually. Then ask them to work in pairs to compare their answers.
- Check answers as a class. Call on individual Ss to write their underlined words for each sentence on the board.
- Put Ss in pairs again and have them practise reading the sentences to each other.

Key:

1. Our teacher often gives us videos to watch at home.
2. I never read books on my tablet at night.
3. It is a new way of learning and students really like it.
4. You can find a lot of useful tips on this website.
5. They should make an outline for their presentation.

Extension: Play the conversation in **Getting Started** again and have Ss listen and underline the stressed words in their Student's Books. Ask individual Ss to call out the stressed words and confirm the answers. Then put Ss into pairs and have them practise the conversation trying to use the correct sentence stress. Invite some volunteers to read it in front of the class.

VOCABULARY

DIFFERENT WAYS OF LEARNING

ACTIVITY 1

Aim: To make sure that Ss understand the meanings of some topic-related words / phrases introduced in **Getting Started**.

- Read the words / phrases on the left and make sure Ss understand the abbreviations in brackets (v, n, adj). In weaker classes, read each word / phrase and elicit the part of speech they need to look for in the definitions, e.g. *What part of speech do you need to look for in the definition of 'face-to-face'? Which definition starts with adj?*
- Ask Ss to work in pairs to do the matching.
- Check answers as a class. Call on one student to read aloud a word / phrase and another student to read its definition.

Key: 1. c 2. d 3. a 4. e 5. b

- Ask Ss to read each sentence and decide which relative pronoun they need to use to join the two simple sentences. Have Ss write their answers individually.
- Put Ss in pairs to compare their answers.
- Check answers as a class. Pay attention to the use of commas in sentences which contain non-defining relative clause.

Key:

1. My brother, who is good at computers, teaches me how to use a laptop.
2. Peter, whose sister is taking an online maths course, is a friend of mine.
3. Lan has read the book which / that I lent her.
4. The boy who has designed this invention is only 10 years old.
5. That app, which can help improve your English pronunciation, is easy to use.

Extension: To further practise defining relative clauses, have Ss play a definition game. Put them into pairs and give each student in the pair a different list of words they know, e.g. video, project, geography, teacher, classmate. They take turns to describe each word using a relative clause without mentioning the word, e.g. *This is a short film that you can watch on your laptop.* Their partner must guess the word. Ask pairs to keep a tally of the correct guesses.

To further practise non-defining relative clauses, brainstorm famous people or places and write them on the board. One student in the pair should choose a person / thing from the list and say something true about him / her / it, e.g. *Elvis Presley was an American singer.* Their partner should add information to the sentence without changing the meaning, e.g. *Elvis Presley, who was born in 1935, was an American singer.* Then each student tries to expand the sentence, e.g. *Elvis Presley, who was born in 1935, was an American singer and actor.* / *Elvis Presley, who was born in 1935, was an American singer and actor, who played in more than 40 films.* Since it is difficult to add only relative clauses, Ss can also expand the sentences with other words. Pairs continue until one person makes a mistake or gives up. The pair that plays the game for the longest time or creates the longest sentence is the winner.

LESSON 3. READING

ACTIVITY 1. Pre-reading

Aim: To introduce the topic of the reading and get Ss involved in the lesson.

- Ask Ss to work in pairs to look at the two pictures and discuss the two questions.
- Call on some pairs to share their ideas.
- Elicit the two ways of learning, e.g. *Where is the girl in picture a?* (at home, in front of a computer), *What can you see on her computer screen?* (teacher / tutor), *How is she learning?* (online), *Where are the students in picture b?* (in the classroom), *Are they facing the teacher?* / *Are they taught in person?* (yes), *What do we call this traditional type of learning?* (face-to-face learning).
- Ask individual Ss if they have experienced both ways of learning.

Suggested answers:

Picture a: online learning

Picture b: face-to-face / traditional / classroom learning / learning in class

ACTIVITY 2. While-reading

Aim: To help Ss practise reading for the main idea.

- Read the three titles and check understanding.
- Ask Ss to read the whole text once to get an overall idea and then choose the correct answer.
- Check answers as a class. Ask individual Ss to call out their answer and explain why the other options cannot be used as titles for the text, e.g. (A) refers to ways of helping students which are not mentioned in the text; (C) suggests some techniques to make students enjoy learning which are not mentioned in the text.

Key: B

ACTIVITY 3. While-reading

Aim: To help Ss practise reading for specific information.

- Ask Ss to read the statements and underline the key words in each of them.
- Check the key words Ss have underlined, e.g. 1. *need, access, Internet*; 2. *more, conversations, discussions*; 3. *uses, emails, contact*; 4. *online learning, isn't good, face-to-face*; 5. *pay, more attention, class*; 6. *gains, same knowledge, both ways of learning*. Remind Ss the statements may include paraphrased information, so when they read the text they should also look for synonyms or words with similar meanings.
- Tell Ss to scan the text to locate the answers, then read again, but this time pay attention only to the parts of the text that contain the information.
- Have Ss work in pairs or groups to compare their answers.
- In weaker classes, check answers as a class and give the clues by highlighting the phrases or sentences that contain the information. In stronger class, ask Ss to explain their answers by providing clues from the text.

Key: This person ...

	Kim	Laura	Clues
1	✓		I think face-to-face learning is better than online learning
2		✓	I learn online as much as I learn in a traditional class
3	✓		communicate with teachers and other classmates immediately and directly ... In class, I can work in groups and discuss
4		✓	... but I can email them at any time
5	✓		has fewer distractions than learning online
6		✓	need to have a fast Internet connection

Extension: Ask each student to choose one of the people, Kim or Laura, without telling their classmates, and think of something that this person might say based on the reading text, e.g. *I prefer face-to-face learning because I can understand the lesson better.* (Kim) *Sometimes, I can stay at home and take online classes.* (Laura); Have Ss take turns to call out their statements while the rest of the class try to guess the person. In stronger classes, ask Ss to avoid using the exact wording from the text, e.g. *It's difficult to solve problems in online classes.* (Kim)

ACTIVITY 4. Post-reading

Aim: To help Ss use the ideas and language in the reading text to talk about their opinions and give reasons.

- Ask Ss to read the text again and highlight words and phrases describing Kim's and Laura's experiences of studying online and in the classroom. Have them think about if they agree or disagree with them.
- Put Ss into pairs. Have them discuss the two ways of learning and decide which one is better and why.
- Invite one or two pairs of Ss to present their choice and reasons to the class. Praise for interesting ideas and fluent delivery.

LESSON 4. SPEAKING

ONLINE LEARNING

Learning outcome: By the end of the lesson, Ss will be able to talk about the advantages and disadvantages of online learning.

ACTIVITY 1

Aim: To introduce more ideas for the main speaking task and get Ss involved in speaking activities.

- Remind Ss of the two students, Kim and Laura, from the **Reading** section, and elicit the advantages of each way of learning mentioned in the reading text.
- Ask Ss to read the statements and check if any of the advantages from the reading are listed there.
- Explain that they are going to focus on online learning. Put Ss into pairs to discuss and sort the statements. Encourage them to add more ideas, e.g. Advantages: Students gain technical skills. Students don't miss any lessons even when they can't get to school. Disadvantages: Students can't concentrate in front of the screen. The Internet connection may not be stable.
- Check answers as a class.

Key:

Advantages: a, d, e

Disadvantages: b, c, f

ACTIVITY 2

Aim: To help Ss brainstorm ideas for the speaking activity.

- Ask Ss to refer back to the two categories in **1**.
- Ask Ss to work in two groups. One group is the proponent of online learning and the other is against online learning. Ask them to think of examples and supporting ideas for their sides.
- Give Ss enough time to discuss and decide on the advantages or disadvantages, and complete their tables. Walk round the class and offer help if necessary.

Sample answers:

For

- We can learn anytime and anywhere with an Internet connection. (We don't have to go to school and we can save a lot of time travelling. We can do assignments when we have free time as they are uploaded online.)
- We can organise our own study schedule. (We choose to attend the courses that are suitable for our schedule. The timetable may not be fixed.)

Against

- This can harm our health. (If we sit in front of a computer for a long time, it can cause short-sightedness or backache.)
- We may have technical problems. (We can't follow the teacher's lesson or submit homework.)

ACTIVITY 3

Aim: To give Ss an opportunity to discuss and express opinions about online learning.

- Put Ss into pairs. Make sure that they are from two opposite groups. Give Ss time to discuss their ideas. Remind them to use the notes in **2**. Walk round the class and offer help if necessary.
- Call on two or three pairs to present a summary of their discussion in front of the class. Encourage other classmates to ask questions.
- Praise for good effort, interesting ideas and fluent delivery.

Extension: Put Ss into pairs and have each pair discuss the advantages and disadvantages of another type of learning, i.e. face-to-face learning or blended learning. Once each pair comes with at least three advantages and disadvantages, put pairs who have discussed the same type of learning into one group and have Ss compare and consolidate their ideas. Finally, ask each group to present them to the other group

LESSON 5. LISTENING

BLENDED LEARNING

ACTIVITY 1. Pre-listening

Aim: To introduce the topic of the listening and get Ss involved in the lesson.

- Ask Ss to work in pairs and discuss the question.
- Call on some pairs to share their ideas.
- Brainstorm with Ss more ideas in a whole-class discussion. In stronger classes, ask Ss if they have experienced a blended learning class.

ACTIVITY 2. While-listening

Aim: To help Ss practise listening for gist and specific information.

- Ask Ss to read through the instructions and guess what they are going to hear in the recording.
- Play the first part of the recording for Ss listen and check if their guesses are correct.
- Check answers as a class. Ask Ss to support their answers with clues from the recording. (1. ... *I'd like you ... complete ... at home.* ; 2. ... *materials and watching videos that have been uploaded on Eclass*)
- In weaker classes, play the recording a second time pausing after the clues.

Suggested answers:

1. *The teacher is talking about homework / things students need to do at home / how to prepare for the next lesson.*
2. *She uploaded materials and videos.*

Audio script – Track 60:

Teacher: Now, listen everybody! I'd like you all to complete this population map at home. Do you have any questions for this week's homework?

Nam: Do we need to read the materials and watch the videos that you've uploaded on Eclass for the next lesson?

Teacher: Yes, Nam ...

ACTIVITY 3. While-listening

Aim: To help Ss practise listening for specific information and key words.

- Ask Ss to look at the flow chart, underline the key words and decide how many words and what part of speech they need to fill in each blank (1: noun; 2: verb; 3: noun; 4: verb; 5: verb).
- Play the second part of the recording and have Ss note down their answers in their notebooks. Play the recording again so that Ss can confirm their answers and add any missing words.
- Have Ss work in pairs to compare their answers.
- Check answers as a class. Ask Ss to read the instructions.
- For weaker classes, play the recording a third time pausing after the sentences containing the answers.

Key: 1. Homework 2. take notes 3. (more) information 4. discuss 5. Email

Audio script – Track 61:

Teacher: To prepare for next week's class, you should log in to your account on Eclass and click the Homework folder. I've uploaded some reading passages, slides and two videos about population growth. Read the materials, watch the videos and take notes of important points at home.

Mai: Can we use a mindmap to present the main ideas?

Teacher: Yes, you can, Mai. Choose a suitable way for you. Next week we'll discuss the impact of population growth on the environment so I want you to find more information on this topic.

Mai: Where can we get the information?

Teacher: You can go to the library, read newspaper articles or search the Internet for information. Work in groups of four, discuss and write down what you've discovered. Email me if you have any questions...

Extension: Make some true and false statements about the recording, e.g. 1. *This week the students have learnt about the environment.* (False); 2. *They have to complete a map for homework.* (True) Call out a statement and have Ss call out True or False. In stronger classes, invite individual Ss to make true and false statements and test the rest of the class.

ACTIVITY 4. Post-listening

Aim: To give Ss an opportunity to use the ideas and language in the listening to talk about their opinions and give reasons.

- Ask Ss to work in groups and discuss the question. Walk round the class and monitor their discussions.
- Call on Ss from different groups to share their opinions with the class.

Extension: Put Ss into groups and have them design a lesson for a subject and type of learning of their own choice. In weaker classes, brainstorm or tell Ss what to think about and write down some prompts on the board, e.g. *subject (English / history / science); type of learning (face-to-face, online, blended); learning objective (to learn grammar / reading skills; to learn about Ancient Greece; to learn about gravity), preparation for the lesson, lesson stages, materials, homework.* Ask groups to present their lesson plans to the rest of the class and have the class vote for the most interesting one.

LESSON 6. WRITING

BENEFITS OF BLENDED LEARNING

Learning outcome: By the end of this lesson, Ss will be able to write about the benefits of blended learning.

ACTIVITY 1.

Aim: To help Ss identify some of the benefits of blended learning.

- Have Ss work in pairs. Tell them to read the statements and discuss which of them describe the benefits of blended learning. Ss may refer back to the ideas in the **Reading** and **Listening** sections.
- Call on some pairs to share their answers.
- Check answers as a class.
- Ask Ss to think of more benefits of blended learning. Write the best suggestions on the board.

Key: Benefits: 1,2,4

ACTIVITY 2

Aim: To help Ss develop and organise ideas for their writing in **3**.

- Ask Ss to study the outline.
- Put Ss into groups and have them complete the outline. Encourage Ss to use the benefits in **1** and think of more supporting ideas.
- Call on some groups to read or write their answers on the board.
- Check as a class to see if the main ideas match the supporting points / explanations.

Suggested answer:

Topic sentence	Blended learning is a way of studying a subject, which combines learning over the Internet and face-to-face learning, and brings several benefits to us.
First benefit	First, blended learning helps us have more control over our own learning.
Second benefit	Second, we can develop better communication and teamwork skills.
	Explanation 1: We can use different ways to communicate in class.
Concluding sentence	I think we should have more blended learning classes at school because they keep us engaged and helps us learn useful skills.

ACTIVITY 3

Aim: To help Ss practise writing a paragraph about the benefits of blended learning.

- Tell Ss to write a paragraph about (120 - 150 words) the benefits of blended learning using the outline in **2**. Tell Ss that they can also use the suggested ideas in **1**. Ask them to pay attention to punctuation, structures, word choice, linking words, etc. In weaker classes, ask Ss to work in groups and write their paragraphs.
- Ask one or two Ss to read or stick their paragraphs on the board. Have the rest of the class comment and say what they like about them. Collects Ss' paragraphs to correct and provide written feedback.

Sample answer:

Blended learning is a way of studying a subject, which combines learning over the Internet and face-to-face learning, and brings several benefits to us. Firstly, blended learning helps us have more control over our own learning. We are able to get access to many online materials and video lectures at any time. This also allows us to watch and review lessons that we have not understood at home. If we are absent from school, we will not miss any lessons. Secondly, we can develop better communication and teamwork skills in a blended learning class. Since a lot of the work is assigned for homework, we have more time for pair work and group work in the classroom. Unlike traditional learning, blended learning provides us with more ways of communication including text messages, emails or social media. In conclusion, I think we should have more blended learning classes at school because they keep us engaged and helps us learn useful skills.

Extension: In stronger classes, tell Ss that their paragraphs present a one-sided argument, i.e. they only mention the benefits and try to persuade the reader to agree with them. Explain that there are also two-sided argumentative essays that present a balanced and objective analysis of both sides of an argument, in this case, for example, blended learning has both advantages and disadvantages. Put Ss into groups and have them write a two-sided argumentative essay. They can do that by modifying the topic sentence (e.g. ... *bring both benefits and problems* / *has both pros and cons*), adding an 'against' argument (disadvantage) after each 'for' argument (advantage) and summarising the ideas in the concluding sentence. Ask some groups to read their essays and praise them for well-structured arguments and ideas

LESSON 7: COMMUNICATION AND CULTURE / CLIL

EVERYDAY ENGLISH

GIVING INSTRUCTIONS

ACTIVITY 1

Aim: To review how to give instructions.

- Have Ss look at the four options A-D. Elicit what part of speech they are (verbs) and what they describe (actions).
- Ask Ss to read the conversation and find clues for the missing verbs: (1) a verb that goes with the preposition *to*; (2) a verb that goes with an object (a name); (3) a verb that complete the phrase 'Search' *the button*; (4) a verb that goes with a clause of time. Then have them completes the gaps.
- Play the recording for Ss to listen and check their answers.
- Ask Ss to pay attention to the imperative sentences.
- Elicit that we give instructions using imperatives and linking words (*First, Second, Then*) to show the order or the steps in the process. Remind them that if they want to sound more polite, they should use *please*, e.g. *Please type the words.* / *Type the words please.*

- Put Ss into pairs to practise the conversation.
- Invite some pairs to role-play the conversation in front of the class.

Key: 1. A 2. D 3. C 4. B

Audio script – Track 62:

Tam: Mai, can you show me how to install the app I-Speak on my smartphone? I want to practise my English speaking skills.

Mai: Of course. First, go to the App store on your phone. Second, type 'I-Speak' in the search box at the top of the screen, then click the 'Search' button.

Tam: Let me try. OK, I see the search results. What do I do next?

Mai: Now, click 'Get' next to the 'I-Speak' icon and wait until the download is complete.

ACTIVITY 2

Aim: To help Ss practise giving instructions.

- Ask Ss to work in pairs to make similar conversations about how to download another study app on a smartphone, using imperatives.
- Give Ss a few minutes to decide on the app and think of the steps they need to go through. Encourage them to write some notes or draw a flow chart of the steps.
- Make sure Ss swap roles and have a chance to both ask the questions and explain the steps using imperatives.
- Walk round the class to monitor and provide help if needed.
- Call on some pairs to role play their conversations in front of the class.

Suggested answer:

A: Can you show me how to install the Zalo app on my smartphone? I want to text or make video calls with my friends.

B: Of course. First, go to the Apple store or Google play. Second, type 'Zalo' in the search box at the top of the screen, then click the 'Search' button.

A: Let me try. OK, I can see the app Zalo. What do I do next?

B: Now, click 'Get' next to the 'Zalo' icon and wait until the download is complete.

MODERN SCHOOLS

ACTIVITY 1

Aims:

- To learn about features of modern schools;
- To help Ss practise reading for specific information in a text.

- Write *Modern schools* on the board and have Ss call out words and phrases associated with them, e.g. *successful students, good facilities, innovation, latest technology, experienced teachers*. Write them on the board.
- Ask Ss to read the text and answer the questions individually.
- Call on one or two Ss to give their answers and check them as a class.

Key:

1. Teachers play the role of a guide for students.
2. Two common features of modern schools are class discussion and group learning.
3. They use them to access digital learning resources.
4. They participate in field trips and school camps.

ACTIVITY 2

Aim: To help Ss relate what they have learnt to their own school.

- Ask Ss to work in groups to discuss the main features of their school.
- In weaker classes, have Ss underline the ideas in the text so they can use them in their discussion. In stronger classes, encourage Ss to compare the features of their school and the ones mentioned in the text.
- Invite some groups to present a summary of their discussion to the class.

Extension: Put Ss in groups and have them design their ideal modern school. Ask them to think about the following: type of learning, subjects Ss need to study, skills they need to develop, ways of testing their knowledge and skills, number of hours they need to attend classes or study every day, technology they can use, design of the classrooms, the school building and the playground, the facilities, etc. Give each group a large piece of paper and encourage them to draw simple sketches to illustrate their ideas. Ask groups to show their drawings and present their ideal school to the class.

LESSON 8. LOOKING BACK AND PROJECT

LOOKING BACK

- If your Ss have completed all the exercises in this section as homework, don't spend too much time on them. Quickly check their homework and answer any questions they may have about the language points tested here. If they haven't, follow the teaching steps below.

PRONUNCIATION

Aim: To help Ss revise sentence stress.

- Have Ss do this activity individually, then compare their answers in pairs.
- Tell Ss to underline the stressed words in each sentence. Then play the recording for them to check their answers.
- Ask individual Ss to write the sentences on the board, read them out and underline the stressed words.
- Check and correct any mistakes.
- Play the recording again and have Ss practise reading the sentences.

Key + Audio script – Track 63:

1. Many students bring smartphones to school nowadays.
2. You can download the app to study English.
3. Thanks to technology, students can learn anywhere.
4. My sister is looking for information for her presentation tomorrow.

VOCABULARY

Aim: To help Ss revise vocabulary items they have learnt in the unit.

- Have Ss do this activity individually and write their answers in their notebooks.
- Call on individual Ss to write the words on the board, then check answers as a class.

Key: 1. online 2. Traditional 3. connection 4. blended 5. teamwork

GRAMMAR

Aim: To help Ss revise relative clauses with *who*, *which*, *that* and *whose*.

- Ask Ss to complete the sentences with suitable relative pronouns individually first.
- Then have them check their answers in pairs before discussing the answers as a class. Elicit the kind of relative clause in each sentence, e.g. defining or non-defining relative clause, and the use of each relative pronoun, e.g. *who* is used with people only.

Key: 1. who / that

2. which / that

3. which

4. whose

5. which / that

6. who

PROJECT

Aims: To provide an opportunity for Ss to develop their communication and collaboration skills, and to practise reporting survey results in an oral presentation.

- As Ss have prepared for the project throughout the unit, the focus of this lesson should be on the final product, which is an oral presentation.
- Have Ss work in their groups. Give them a few minutes to get ready for the presentation.
- Give Ss a checklist for peer and self-assessment. Explain that they will have to tick (✓) the appropriate items while listening to their classmates' presentations and write comments if they have any. The presenters should complete their self-assessment checklist after completing their presentation.
- Invite two or three groups to give presentations on their groups' findings.
- Give praise and feedback after each presentation. You can also give Ss marks for their presentation as part of their continuous assessment.

Suggested checklist for peer assessment:

	Tick where appropriate	Comments (in English or Vietnamese)
DELIVERY		
– The presenters greeted the audience.		
– The presenters spoke clearly and naturally.		
– The presenters cooperated when delivering their talk.		
– The presenters interacted with the audience.		
– The presenters used graphs / charts to illustrate their findings.		
– The presenters concluded their talk appropriately.		
CONTENT: <i>The presentation includes the following information about technology for learning:</i>		
– the number of students using each device		
– the most frequently used devices		
– the frequency of using the devices		
– the purposes for using them		

Suggested checklist for self-assessment:

	Tick where appropriate	Comments (in English or Vietnamese)
DELIVERY		
– I greeted the audience.		
– I spoke clearly and naturally.		
– I cooperated with my group members when delivering the talk.		
– I interacted with the audience.		
– I used graphs / charts to illustrate my findings		
– I concluded my part of the talk appropriately.		
CONTENT: <i>Our presentation includes the following information about technology for learning:</i>		
– the number of students using each device		
– the most frequently used devices		
– the frequency of using the devices		
– the purposes for using them		

NOW I CAN ...

Finally ask Ss to complete the self-assessment table. Identify any difficulties and weak areas and suggest further practice later for individual Ss.

Chịu trách nhiệm xuất bản: Chủ tịch Hội đồng Thành viên **Nguyễn Đức Thái**
Tổng Giám đốc **Hoàng Lê Bách**

Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập **Phạm Vĩnh Thái**

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo: Phó Tổng biên tập **Vũ Trung Chính**
Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Lê Thành Anh

Biên tập nội dung: Trịnh Quỳnh Anh - Đỗ Thu Giang

Trình bày bìa: Việt Hà

Thiết kế sách: Thái Mỹ Dung

Sửa bản in: Trịnh Quỳnh Anh

Chế bản: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.

ENGLISH LANGUAGE TEACHER TRAINING MATERIAL 10

(TÀI LIỆU TẬP HUẤN DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MỞI TIẾNG ANH 10 - GLOBAL SUCCESS)

Mã số:

Mã ISBN: